

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGÔ DIỆU THANH

**YÊU CẦU ĐIỀU TRA CỦA VIỆN KIỂM SÁT
TỰ THỰC TIỄN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: PGS.TS. NGUYỄN VĂN HUYÊN

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình do tôi tự nghiên cứu; các số liệu trong luận văn có cơ sở rõ ràng và trung thực, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

Hà Nội, Ngàytháng.....năm 2017

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Ngô Diệu Thanh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ YÊU CẦU ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	6
1.1 Khái niệm yêu cầu điều tra trong vụ án hình sự	6
1.2. Đặc điểm yêu cầu điều tra.....	20
1.3. Nội dung yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát	23
Chương 2 QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG YÊU CẦU ĐIỀU TRA CỦA VIỆN KIỂM SÁT TỈNH THÁI NGUYÊN.....	29
2.1 Quy định của pháp luật về yêu cầu điều tra đối với các vụ án hình sự	29
2.2. Thực trạng việc đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên.....	38
Chương 3 QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG YÊU CẦU ĐIỀU TRA	50
3.1. Quan điểm nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát nhân dân	50
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát các cấp ở tỉnh Thái Nguyên.....	51
KẾT LUẬN	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTV	Điều tra viên
KSV	Kiểm sát viên
TTHS	Tố tụng hình sự
TTLT	Thông tư liên tịch
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trước những đòi hỏi của công cuộc đổi mới đất nước và cải cách tư pháp, Đảng và Nhà nước luôn đặt ra những yêu cầu mới trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND). Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. VKSND đã góp phần hạn chế, khắc phục các vi phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT), người tiến hành tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, quyền và lợi ích của nhà nước. Qua đó góp phần không nhỏ vào quá trình đấu tranh, phòng và chống tội phạm và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình đổi mới đất nước, do tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Tình hình tội phạm của nước ta trong thời gian qua và trong những năm tới đang và sẽ diễn biến phức tạp, chưa có chiều hướng giảm, tội phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt và thủ đoạn, phương thức ngày càng nghiêm trọng về tính chất và mức độ nguy hiểm. Trong hoạt động thực tiễn những năm qua cho thấy địa bàn Tỉnh Thái Nguyên đang thu hút rất nhiều vốn đầu tư của nước ngoài như công Ty Sam Sung (ở xã Điem Thụy, huyện Phú Bình), công ty than Núi Pháo (ở huyện Đại Từ)...Những công ty nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương lên một bậc thang mới, tạo điều kiện cho nhiều người dân có công ăn việc làm. Tuy nhiên, bên cạnh đó tình hình tội phạm cũng gia tăng và có chiều hướng phức tạp, nhiều vụ án có nhiều bị can không nhận tội, không thu thập được chứng cứ buộc tội, hiện trường vụ án chưa được làm rõ hoặc đã bị các đối tượng xóa dấu vết, nhân thân, tiền án, tiền sự của đối tượng chưa được thu thập một cách đầy đủ để làm cơ sở khởi tố, truy tố và xét xử một cách kịp thời, nhanh chóng và công minh trước pháp luật. Chính vì vậy ngay từ khi CQĐT tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm thì Viện kiểm sát phải nắm chắc và rút hồ sơ ra yêu cầu xác

minh để tạo tiền đề cho việc phê chuẩn khởi tố bị can một cách chắc chắn, kịp thời và nhanh chóng. Đến giai đoạn Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì Viện kiểm sát (VKS) đề ra yêu cầu điều tra là hết sức quan trọng vì đây là một trong những nhiệm vụ thực hành quyền công tố của VKSND, yêu cầu điều tra thể hiện rõ và đầy đủ nhất chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong hoạt động điều tra, góp phần đảm bảo cho việc điều tra đúng quy định của pháp luật, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Nhưng thực tế ở Thái Nguyên cho thấy vẫn còn nhiều kiểm sát viên VKS tỉnh Thái Nguyên có KSV năng lực yếu kém, chưa chịu khó nghiên cứu các văn bản quy định pháp luật, chưa chủ động rút hồ sơ về nghiên cứu đề ra yêu cầu điều tra một cách kịp thời nhanh chóng nên vẫn còn tình trạng phải hoàn trả hồ sơ điều tra bổ sung, kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Để góp phần khắc phục hạn chế những thiếu sót trên tác giả đã lựa chọn tên đề tài “*Yêu cầu điều tra của viện kiểm sát từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*” làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ Luật học để nhằm góp phần tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này, đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Liên quan đến đề tài, từ trước đến nay có một số công trình nghiên cứu, một số tác phẩm, các bài báo viết trên các tạp chí như: “giáo trình của các cơ quan bảo vệ pháp luật”, “Chế định chứng cứ trong luật Tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Tiến sĩ Trần Quang Tiệp; “Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự” của Tiến sĩ Đỗ Văn Cường; giáo trình Khoa học điều tra hình sự của tác giả Lê Minh Hùng; “Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp” của Phó viện trưởng Viện kiểm sát Tối Cao Lê Hữu Thế; “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra theo cải cách tư pháp” hoặc những bài viết của một số tác giả

được đăng trên tạp trí chuyên ngành như: Tạp chí Kiểm sát, Tạp chí Tòa án, Tạp chí Luật học, Sổ tay kiểm sát viên và nhiều chuyên đề nghiệp vụ của các đơn vị như Viện kiểm sát TP Hồ Chí Minh, VKS tỉnh Bắc Giang, VKS tỉnh Yên Bái... Tuy nhiên, chưa có một công trình tác giả nào đề cập đến yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên để làm đề tài nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống để làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm, chức năng thực hành quyền công tố từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn kiểm sát điều tra, yêu cầu điều tra của VKS từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) về yêu cầu điều tra và thực tiễn kiểm sát về đề ra yêu cầu điều tra của VKS tỉnh Thái Nguyên.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài này, học viên chỉ nghiên cứu, khảo sát trong phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đề ra yêu cầu điều tra (ở hai cấp tỉnh và huyện) của VKSND tỉnh Thái Nguyên, không nghiên cứu những vấn đề về yêu cầu điều tra bổ sung,

- Thời gian nghiên cứu, khảo sát trong năm năm (từ năm 2012 đến 2016). Luận văn không nghiên cứu yêu cầu điều tra của VKS Quân Sự.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích:

Mục đích của luận văn là phân tích làm rõ những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật THQCT ở giai đoạn điều tra, đề ra yêu cầu điều tra của VKS. Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp đảm bảo THQCT ở giai đoạn điều tra, đề ra yêu cầu điều tra của VKSND các cấp tỉnh Thái Nguyên.

- Nhiệm vụ:

+ Làm rõ những vấn đề lý luận về THQCT ở giai đoạn điều tra đề ra yêu cầu điều tra của VKS như Khái niệm, đặc điểm, nội dung yêu cầu điều tra.

+ Đánh giá thực trạng yêu cầu điều tra của VKSND tỉnh Thái Nguyên. Nêu lên những thành quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân sự hạn chế.

+Trình bày các quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng các bản yêu cầu điều tra của VKSND tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận của việc nghiên cứu luận văn là phương pháp duy vật biện chứng dựa trên lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tăng cường THQCT và cải cách tư pháp.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của triết học Mac - Lê Nin và các khoa học chuyên ngành khác, trong đó đặc biệt chú trọng đến phương pháp phân tích và tổng hợp, thống kê, so sánh kết hợp giữa lý luận và thực tiễn để giải quyết vấn đề đặt ra.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về vai trò, chức năng của Viện kiểm sát trong hoạt động kiểm sát điều tra ,đề ra yêu cầu điều tra góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát từ kết quả khảo sát thực tiễn yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát Thái Nguyên với những hạn chế, bất cập, luận văn đưa ra giải pháp góp phần nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát các cấp ở Thái Nguyên trong thời gian tới. Luận văn có thể sử dụng trong việc nghiên cứu về Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, đề ra yêu cầu điều tra.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm những chương cụ thể:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về yêu cầu điều tra vụ án hình sự

Chương 2: Quy định của pháp luật và thực trạng yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên

Chương 3: Quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ YÊU CẦU ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1 Khái niệm yêu cầu điều tra trong vụ án hình sự

Thuật ngữ “*Yêu cầu*” là nêu ra điều gì với người nào đó, tỏ ý muốn người đó làm vì đó là việc thuộc nhiệm vụ, trách nhiệm hoặc quyền hạn, khả năng của người ấy. [5]. Như vậy, cần xác định yêu cầu là việc phải có tính đo được, kiểm thử được, có liên quan đến các nhu cầu và các yêu cầu phải được định nghĩa ở một mức độ chi tiết đầy đủ cho việc thực hiện và là thuộc nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn hoặc khả năng của người bị yêu cầu. Trong cuộc sống xã hội việc người này yêu cầu người kia làm một việc gì đó có thể diễn ra hàng ngày như trong môi trường công việc giữa lãnh đạo yêu cầu nhân viên làm việc gì đó thuộc thẩm quyền của mình hay cơ quan cấp trên yêu cầu cơ quan cấp dưới thực hiện nhiệm vụ. Yêu cầu không chỉ là sự phân công mà còn là sự phối hợp để cùng thực hiện vì mục đích chung.

Thuật ngữ “*Điều tra*” là công tác trong Tố tụng hình sự được tiến hành nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ” [10]. Như vậy, cách hiểu phổ biến ở Việt Nam hiện nay cho rằng điều tra là hoạt động của Cơ quan điều tra trong vụ án hình sự, là sự tổng hợp tất cả các hành vi thực hiện trong giai đoạn điều tra và do một cơ quan điều tra thực hiện cách hiểu này thể hiện ranh giới không rõ ràng giữa chức năng của Cơ quan điều tra với hoạt động điều tra, coi hoạt động điều tra gồm mọi hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra, nhìn nhận hoạt động điều tra mang tính cục bộ, phiếm diện, bó hẹp phạm vi hoạt động điều tra chỉ được tiến hành trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Trên thực tế việc điều tra được tiến hành trong tất cả các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử với những mục đích khác nhau để làm rõ sự thật của vụ án.

Từ hai thuật ngữ “yêu cầu” và “điều tra” có thể hiểu là việc có tính định hướng cho hoạt động điều tra nhằm xác định sự thật khách quan của một vụ án một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên những nội dung được quy định tại Điều 37 và Điều 112 BLTTHS chỉ đề cập đến việc Kiểm sát viên đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra chứ không quy định về giá trị pháp lý của Yêu cầu điều tra. Hiện nay đang tồn tại những luồng quan điểm khác nhau về giá trị pháp lý của yêu cầu điều tra “yêu cầu điều tra mang tính bắt buộc” thực hiện đối với Cơ quan điều tra và luồng quan điểm “Yêu cầu điều tra không mang tính bắt buộc” thực hiện hoặc chỉ mang tính “bắt buộc tương đối” đối với Cơ quan điều tra.

Việc đề ra yêu cầu điều tra là một quyền năng pháp lý của VKS, đây không chỉ là quyền hạn mà còn là trách nhiệm của VKS phải thực hiện khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra các vụ án hình sự. Yêu cầu điều tra của VKS đối với Cơ quan điều tra đồng thời cũng là văn bản tố tụng, thể hiện quyền năng của VKS khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố được quy định bởi pháp luật theo đó đề ra yêu cầu điều tra là một trong những nhiệm vụ, quyền hạn và cũng là trách nhiệm của VKS trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự thì việc đề ra yêu cầu điều tra và văn bản yêu cầu điều tra cần phải nêu chi tiết những vấn đề điều tra để Cơ quan điều tra thực hiện vì thông thường Cơ quan điều tra khi điều tra vụ án chỉ chú ý đến những chứng cứ buộc tội mà những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự không chỉ có chứng cứ buộc tội mà còn phải thu thập chứng cứ gỡ tội, ngoài ra còn những vấn đề về thủ tục tố tụng như xác minh lý lịch bị can, trích lục tiền án, tiền sự, xác minh kết quả thi hành án hình sự, dân sự, án phí...giao nhận các quyết định tố tụng mà khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì Cơ quan điều tra chưa làm. Vì vậy việc đề ra yêu cầu điều tra là mang tính

bắt buộc và rất cần thiết để đảm bảo giá trị pháp lý, giá trị chứng minh của chứng cứ trong vụ án hình sự góp phần mang tính định hướng giải quyết vụ án để đưa ra các quyết định một cách đúng đắn nhất.

Việc quy định VKS có quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành hoạt động điều tra xuất phát từ nhiệm vụ thực hành quyền công tố thì VKS với tư cách là Cơ quan duy nhất được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát phải chịu trách nhiệm trước nhà nước, trước xã hội về quyết định truy tố của mình. Để xác định sự thật khách quan của vụ án, giúp cho việc truy tố của VKS có căn cứ, đúng pháp luật. Trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát không phải là cơ quan chứng kiến các hoạt động điều tra mà phải sử dụng tất cả các quyền năng pháp lý, trong đó quyền đề ra yêu cầu điều tra để yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra nhằm phát hiện, thu thập, củng cố chứng cứ bảo đảm việc truy tố người phạm tội được chính xác, đúng pháp luật. Trong tố tụng hình sự, đề ra yêu cầu điều tra là một trong những biện pháp pháp lý mà VKS có quyền được áp dụng khi có sự kiện phạm tội xảy ra cho đến khi kết thúc điều tra nên cần phải được bảo đảm thực hiện đúng quy định khoản 2 Điều 19 Quy chế số 07 ngày 02/01/2008 của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao[12]. Quy định Viện kiểm sát phải kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, bảo đảm các yêu cầu điều tra được thực hiện đầy đủ. Trường hợp Cơ quan điều tra (Điều tra viên) không nhất trí thì Viện kiểm sát (Kiểm sát viên) phải báo cáo với Lãnh đạo để xem xét, kiến nghị với Thủ trưởng Cơ quan điều tra để giải quyết.

Phân biệt đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát và yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án

Dưới góc độ của hoạt động điều tra thì yêu cầu điều tra trong bản kế hoạch điều tra là tất cả những vấn đề mà hoạt động điều tra phải tiến hành để làm rõ tất cả những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự và hoạt động

điều tra phải tuân theo đúng thủ tục, luật định. Dưới góc độ xét xử thì việc điều tra công khai trước phiên tòa để làm rõ toàn bộ sự thật của vụ án bằng cách kiểm tra, đánh giá chứng cứ để được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố trước đó. Do vậy những vấn đề chưa được làm rõ tại phiên tòa thì Tòa án cũng có quyền yêu cầu điều tra bổ sung. Do hoạt động điều tra được diễn ra trong suốt quá trình tố tụng và do nhiều chủ thể thực hiện vì vậy Yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra bổ sung có những điểm giống và khác nhau như sau:

**Giống nhau:* Viện kiểm sát và Tòa án yêu cầu điều tra đều với mục đích yêu cầu điều tra để thu thập chứng cứ, xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những cứ cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

**Khác nhau:*

- *Chủ thể của yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra bổ sung*

+ Yêu cầu điều tra: chủ thể là Viện kiểm sát được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 112 BLTTHS và Điều 13 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, đây không chỉ là quyền hạn mà còn là trách nhiệm của VKS phải thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự

+Yêu cầu điều tra bổ sung: chủ thể là Tòa án được quy định tại các Điều 121, 168, 179 và 199 tương ứng với việc yêu cầu điều tra bổ sung tại các giai đoạn tố tụng truy tố, xét xử do BLTTHS quy định.

- *Thời điểm ra yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra bổ sung.*

+ Yêu cầu điều tra: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 112 của BLTTHS thì đề ra yêu cầu điều tra vừa là nhiệm vụ, vừa là quyền hạn của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và khi đã đề ra yêu cầu điều tra thì phải yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra. Như vậy, có thể hiểu đây là một quyền năng thuộc

phạm vi quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát (không thuộc phạm vi công tác kiểm sát điều tra quy định tại Điều 113 của BLTTHS). Do việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra bắt đầu từ khi khởi tố vụ án đến khi kết thúc vụ án được đình chỉ hoặc truy tố bằng bản cáo trạng nên hoạt động đề ra yêu cầu điều tra cũng bắt đầu khi khởi tố vụ án và kết thúc khi vụ án được đình chỉ hoặc truy tố bằng bản cáo trạng.

Ngay sau khi có Quyết định khởi tố vụ án và Khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT thì Viện kiểm sát (Kiểm sát viên) phải yêu cầu Điều tra viên thụ lý vụ án đó chuyển hồ sơ sang VKS để Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu ban đầu do Cơ quan điều tra cung cấp để xem xét phê chuẩn khởi tố bị can và đề ra yêu cầu điều tra. Việc đề ra yêu cầu điều tra không chỉ thực hiện một lần sau khi vụ án được khởi tố mà trong suốt quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì Kiểm sát viên được phân công phải nắm chắc kết quả điều tra, kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh, những mâu thuẫn trong quá trình điều tra (như những mâu thuẫn trong lời khai của những người tham gia tố tụng, mâu thuẫn lời khai với đặc điểm các dấu vết, vật chứng thu giữ khi khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, mâu thuẫn trong chính các lời khai của bị can, khi nhận tội, khi chối tội...) để xác định những vấn đề cần điều tra mà đề ra yêu cầu điều tra vì vậy một vụ án có thể chỉ cần một bản yêu cầu điều tra nhưng có vụ án có nhiều bản yêu cầu điều tra. Đối với những vụ án đã rõ ràng, các vấn đề cần được chứng minh trong vụ án đã được chứng minh ngay từ các tài liệu điều tra ban đầu, thủ tục tố tụng đảm bảo, không có tình tiết nào khác phải điều tra (như các vụ án áp dụng thủ tục rút gọn) thì không cần yêu cầu điều tra bằng văn bản mà có thể chỉ yêu cầu bằng lời nói là đủ. Ngược lại, đối với những vụ án phức tạp, án đặc biệt nghiêm trọng hoặc án truy xét kiểm sát viên có thể nhiều lần đề ra yêu cầu điều tra, ngay từ khi kiểm sát việc khởi tố và trong suốt quá trình điều tra. Thời điểm ban hành yêu

cầu điều tra phụ thuộc vào tính chất vụ án chất lượng các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra.

+ Yêu cầu điều tra bổ sung: Về thời điểm ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung, là giai đoạn xét xử. Trước khi đưa vụ án ra xét xử việc yêu cầu điều tra bổ sung sẽ do thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa quyết định. Tại phiên tòa thẩm quyền ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung thuộc về Hội đồng xét xử và Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa ký quyết định. Khi Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng khi soạn thảo Bản án, nghiên cứu hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa phát hiện có một trong các căn cứ phải trả hồ sơ điều tra bổ sung tại Điều 179 BLTTHS thì Thẩm phán có được ban hành Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung hay không hay vẫn phải mở phiên tòa để Hội đồng xét xử Quyết định. Do pháp luật Tố tụng hình sự chưa quy định cụ thể vấn đề này nên hiện nay vẫn tồn tại hai quan điểm: thứ nhất: Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa được ban hành Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung; Thứ hai: Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa không được tự ban hành quyết định mà phải tiến hành các công việc để mở phiên tòa và việc có yêu cầu điều tra bổ sung hay không sẽ do Hội đồng xét xử quyết định tại phiên tòa.

Nhưng theo quy định tại Điều 179 BLTTHS thì Thẩm phán được ban hành quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Trong khi đó Điều 176 BLTTHS quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử bao gồm thời gian từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi phiên tòa được mở[2] cho nên thời gian từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi phiên tòa được mở vẫn thuộc giai đoạn chuẩn bị xét xử. Vì vậy, việc Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa ký quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung trong khoảng thời gian từ khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi trước phiên tòa được mở là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Đối tượng nhận yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra bổ sung*

+ Yêu cầu điều tra: thứ nhất: Cơ quan điều tra sẽ nhận yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát.

+ Yêu cầu điều tra bổ sung: Cơ quan nhận yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án là Viện kiểm sát.

do Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát.

- *Hình thức của yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra bổ sung*

+ Yêu cầu điều tra: Hình thức yêu cầu điều tra được nêu rõ tại Mục 15.1 của Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT - VKSTC-BCA-BQP ngày 07/09/2005 của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Điều 19 Quy chế 07 ngày 02/01/2008 của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, theo đó thì yêu cầu điều tra có thể được thể hiện dưới hai dạng.

Một là: yêu cầu điều tra bằng lời nói do Kiểm sát viên đề ra với Điều tra viên trong quá trình trực tiếp kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, đối chất thực nghiệm điều tra;

Hai là: yêu cầu điều tra bằng văn bản: Trường hợp này Kiểm sát viên đề ra yêu cầu điều tra liên quan đến những vấn đề củng cố chứng cứ hoặc để làm rõ những tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63 của BLTTHS. Yêu cầu điều tra bằng văn bản được ban hành theo Quyết định số 07/2008/VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát Tối cao.

+ Yêu cầu điều tra bổ sung: Theo quy định tại các Điều 179, 199 BLTTHS thì hình thức của văn bản yêu cầu điều tra bổ sung đều là Quyết định. Tuy nhiên BLTTHS không dùng chung tên quyết định mà có sự phân biệt. Trong giai đoạn truy tố và tại phiên tòa, văn bản yêu cầu điều tra bổ sung là “Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung”, còn trong giai đoạn chuẩn bị

xét xử thì văn bản yêu cầu điều tra bổ sung là “Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung”

- *Nội dung của yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra bổ sung*

+ Yêu cầu điều tra: Nội dung của yêu cầu điều tra phải đảm bảo cụ thể rõ ràng, đúng trọng tâm và cần thiết để làm rõ tất cả các vấn đề pháp lý của vụ án, có tính khả thi, không mang tính hình thức, phải thể hiện được một số vấn đề cơ bản là:

Thứ nhất: phải có mang tính định hướng cho hoạt động điều tra thể hiện qua các dạng yêu cầu như yêu cầu tiến hành điều tra những tình tiết của vụ án chưa được điều tra hoặc đã được điều tra nhưng chưa rõ, chứng minh tính có căn cứ của những chứng cứ do Cơ quan điều tra đã thu thập, giải quyết các mâu thuẫn giữa các chứng cứ; yêu cầu Cơ quan điều tra ban hành và thực hiện các quyết định tố tụng hình sự để giải quyết vụ án hoặc định hướng giải quyết vụ án như: Quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định nhập, tách, chuyển vụ án hình sự, các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, quyết định bổ sung, thay đổi quyết định khởi tố bị can...

Thứ hai: Phải có nội dung mang tính chỉ dẫn cho hoạt động điều tra như: yêu cầu áp dụng và thực hiện các biện pháp để thu thập chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm như: Khám nghiệm hiện trường, tử thi; khám nghiệm điều tra; khám xét dấu vết trên thân thể, trưng cầu giám định; giám định bổ sung; giám định lại; khám xét; thu giữ đồ vật tài sản; yêu cầu lấy lời khai của người tham gia tố tụng, hỏi cung bị can về những nội dung cần chứng minh làm rõ, yêu cầu tiến hành đối chất, nhận dạng, yêu cầu áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn như bắt tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, cho bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo, kê biên tài

sản, chứng cứ buộc tội, gỡ tội, những vấn đề khác về trách nhiệm bồi thường, hình phạt bổ sung, chứng minh tài sản khi khám xét

Tóm lại nội dung của bản yêu cầu điều tra phải nêu lên được những vấn đề chưa được Cơ quan điều tra chứng minh, làm rõ trong vụ án, tùy thuộc vào nội dung từng vụ án và từng loại tội phạm cụ thể. Yêu cầu điều tra phải có tính khả thi và phải bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ trình tự tố tụng mà pháp luật quy định. Trên thực tế, các Điều tra viên rất giỏi về chiến thuật điều tra nhưng thường thiên về chứng cứ buộc tội, coi nhẹ thu thập các chứng cứ gỡ tội và việc tuân thủ các thủ tục tố tụng. Vì vậy, căn cứ kết quả, tài liệu điều tra cụ thể mà kiểm sát viên đề ra yêu cầu điều tra làm rõ sự thật khách quan của vụ án và bổ sung, khắc phục những tồn tại về mặt tố tụng, hạn chế đến mức thấp nhất việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

+ Yêu cầu điều tra bổ sung: Trong giai đoạn xét xử, việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án diễn ra ở giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Tuy nhiên không như quy định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, việc Hội đồng xét xử yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên tòa không được BLTTHS nêu căn cứ cụ thể cũng như không có quy phạm dẫn chiếu đến các căn cứ mà Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử (Điều 179 BLTTHS 2015). Mặc dù, “Tại phiên tòa khi xét thấy có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 154 BLTTHS 2003 (nay Điều 179 BLTTHS 2015) thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 173 BLTTHS 2003 (nay Điều 199 BLTTHS 2015) để ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung” [3]. Tuy nhiên đây là hướng dẫn của BLTTHS năm 1998 (đã hết hiệu lực). Trong khi đó, quy định của BLTTHS cần nêu cụ thể, rõ ràng, logic để dễ áp dụng trong thực tiễn. Vì vậy, cần bổ sung căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử vào BLTTHS 2015. chẳng hạn cần có quy định dẫn chiếu căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung tại Điều 179 BLTTHS vào quy định

về thẩm quyền yêu cầu điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử và bổ sung thêm những căn cứ phù hợp với tính chất của phiên tòa sơ thẩm.

** Chủ thể của yêu cầu điều tra là Viện kiểm sát.*

Các quy định của BLTTHS 2003 vẫn chưa thể hiện được rõ và đầy đủ vai trò, trách nhiệm của kiểm sát viên trong hoạt động tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm sát viên để đảm bảo được tính độc lập trong tố tụng hình sự điều đó đặt ra nhu cầu là phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS, đảm bảo thể hiện vai trò, trách nhiệm của kiểm sát viên trong hoạt động tố tụng hình sự. Nhất là những nội dung liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, những bất cập của BLTTHS về vai trò, trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc kiểm sát điều tra vụ án hình sự để đề ra yêu cầu điều tra.

Theo quy định tại BLTTHS 2003, khi phát hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra là người trực tiếp kiểm sát việc khởi tố. Khi thực hiện quyền này kiểm sát viên có trách nhiệm phải kiểm tra tính có căn cứ của quyết định khởi tố. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định được hành vi phạm tội và dựa trên những cơ sở được nêu ở Điều 100 BLTTHS. Nếu phát hiện việc khởi tố không theo quy định tại điều luật thì kiểm sát viên phải báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát để ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố đó.

Khi kiểm sát hoạt động điều tra, kiểm sát viên cần kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án hình sự của Cơ quan điều tra và bám sát hoạt động điều tra, việc này giúp kiểm sát viên nắm chắc toàn bộ tiến độ điều tra vụ án và kịp thời phát hiện những vi phạm của Cơ quan điều tra trong việc thu thập chứng cứ. Từ đó kiểm sát viên chủ động hơn trong việc yêu cầu điều tra viên kịp thời khắc phục những sai sót trong hoạt động điều tra.

Kiểm sát viên là người thực hiện việc buộc tội người có hành vi phạm tội tại phiên tòa, vì vậy phải có trách nhiệm trong việc đảm bảo chứng cứ

chứng minh tội phạm. Để thực hiện tốt việc đó trong quá trình điều tra vụ án. Kiểm sát viên phải đề ra yêu cầu điều tra, việc đề ra yêu cầu điều tra tác động trực tiếp đến hoạt động điều tra, chứng minh tội phạm của cơ quan điều tra và là sự định hướng cho hoạt động điều tra được tiến hành một cách khoa học, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sự khách quan và sát với tình hình thực tế. Chỉ có kiểm sát viên là người trực tiếp bám sát mới có thể nắm được những vấn đề cần chứng minh để đề ra yêu cầu điều tra một cách xác thực.

Theo quy định của BLTTHS thì kiểm sát viên có thẩm quyền ban hành giấy triệu tập và khi nhận được giấy triệu tập thì các chủ thể trên bắt buộc phải có mặt để trả lời câu hỏi của kiểm sát viên. Trên thực tế đối với những bị can bị tạm giam để tiến hành việc hỏi cung. Trước khi tiến hành hỏi cung bị can hay lấy lời khai của người làm chứng, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kiểm sát viên cần chuẩn bị kỹ lưỡng các vấn đề cần hỏi để chứng minh tội phạm.

Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn như: bắt, tạm giữ, tạm giam. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này phải đảm bảo việc tuân theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90 của BLTTHS

Trong giai đoạn truy tố, kiểm sát viên có vai trò trong việc giúp viện trưởng ra các quyết định tố tụng quan trọng, kiểm sát viên cần nghiên cứu kỹ hồ sơ, kiểm tra các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, căn cứ pháp lý để đề xuất Viện trưởng ra các quyết định sau: Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản Cáo trạng, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án

Khi được phân công THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự, kiểm sát viên được quyền thực hiện tất cả những công việc thuộc thẩm quyền của mình được quy định tại Điều 37 BLTTHS mà không cần phải xin ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp. Điều này thể hiện rõ tính độc lập của kiểm

sát viên khi tham gia việc giải quyết vụ án hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, kiểm sát viên phải thường xuyên báo cáo tình hình, tiến độ giải quyết vụ án với lãnh đạo Viện và tham mưu cho Viện trưởng, Phó viện trưởng ban hành các lệnh, quyết định thuộc thẩm quyền của họ. Hay nói cách khác kiểm sát viên sử dụng những thẩm quyền mà BLTTHS giao cho mình để thực hiện những lệnh, quyết định của lãnh đạo Viện kiểm sát ban hành

Viện kiểm sát, kiểm sát viên chỉ sử dụng thẩm quyền của mình để thực hiện ý chí, quan điểm giải quyết vụ án của Viện trưởng, phó viện trưởng thông qua các lệnh, quyết định. Thế nhưng Viện trưởng, Phó viện trưởng lại không phải là người trực tiếp bám sát quá trình giải quyết vụ án, việc ra các lệnh, quyết định của họ chỉ dựa trên sự báo cáo, tham mưu của kiểm sát viên.

Trong số tất cả những quyền năng của Viện kiểm sát nói chung và kiểm sát viên nói riêng thì yêu cầu điều tra là một quyền năng quan trọng và cơ bản của kiểm sát viên. Trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, một bản yêu cầu điều tra có chất lượng giúp ích nhiều cho Cơ quan điều tra trong việc thu thập, củng cố chứng cứ và hoàn thiện thủ tục tố tụng, góp phần tích cực vào việc giải quyết vụ án. Điều này được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 và Khoản 2 Điều 112 BLTTHS năm 2003, điểm e khoản 1 Điều 42 và khoản 6 Điều 165 BLTTHS năm 2015 và chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chưa có Thông tư hướng dẫn về việc yêu cầu điều tra. Tại Điều 19 của Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự quy định “kiểm sát viên chủ động trao đổi với Điều tra viên được phân công điều tra vụ án về những vấn đề cần điều tra ngay từ khi kiểm sát việc khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường và trong quá trình điều tra” [12]

Việc thể hiện yêu cầu điều tra được thể hiện dưới hai hình thức: bằng lời nói hay bằng văn bản. Chỉ có thể thực hiện bằng lời nói khi kiểm sát viên khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, đối chất, thực nghiệm điều tra. Tóm lại trong các trường hợp kiểm sát viên không thể hoặc không có điều kiện ra yêu cầu điều tra bằng văn bản. Tuy nhiên tác giả muốn nhấn mạnh đến việc kiểm sát viên ra yêu cầu điều tra bằng văn bản.

Việc ra yêu cầu điều tra giúp kiểm sát viên thể hiện rõ quan điểm của mình trong việc thu thập, củng cố chứng cứ và hoàn thiện thủ tục tố tụng của một vụ án hình sự, đồng thời giúp giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện và triệt để, góp phần hạn chế oan sai hoặc phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Yêu cầu điều tra phải chỉ ra được những vấn đề liên quan đến việc đánh giá chứng cứ, thủ tục tố tụng và những mâu thuẫn chưa được điều tra làm rõ trong quá trình điều tra.

Bên cạnh đó mối quan hệ giữa kiểm sát viên và Điều tra viên trong việc thực hiện bản yêu cầu điều tra là mối quan hệ phối hợp, cùng chung nhiệm vụ đó là làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, kiểm sát viên có trình độ, năng lực và có trách nhiệm cao trước công việc thì sẽ đề ra được các yêu cầu điều tra có chất lượng giúp điều tra viên trong việc thu thập, củng cố chứng cứ và hoàn thiện thủ tục tố tụng để sớm kết thúc vụ án. Ngược lại, nếu kiểm sát viên không có trình độ năng lực, lại thiếu tinh thần trách nhiệm, không nắm chắc tiến độ, nội dung vụ án thì không đề ra được yêu cầu điều tra hoặc có đề ra yêu cầu điều tra thì bản yêu cầu điều tra cũng không có chất lượng, gây phản cảm cho Điều tra viên.

Như vậy có thể khẳng định rằng chính chất lượng các bản yêu cầu điều tra và thái độ của kiểm sát viên sẽ chi phối mối quan hệ giữa Điều tra viên và kiểm sát viên, tạo nên hiệu lực và hiệu quả của bản yêu cầu điều tra và kết quả giải quyết vụ án, vì vậy đòi hỏi mỗi kiểm sát viên phải không ngừng

nâng cao trình độ, năng lực và trách nhiệm trước công việc, chủ động góp phần tích cực vào việc xây dựng mối quan hệ trong việc thực hiện bản yêu cầu điều tra.

Nghiên cứu xây dựng quy chế phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong tố tụng hình sự là sự liên kết theo chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra nhằm mục đích phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý tội phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên sự phối hợp này cũng có một số vướng mắc, bất cập chủ yếu trong mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong TTHS hiện hành.

- Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có những nguyên tắc phối hợp, chế ước rất quan trọng hình thành mô hình tố tụng hình sự nhưng chưa được pháp luật tố tụng hình sự quy định cụ thể dẫn đến việc thực hiện mối quan hệ tố tụng hình sự chưa thống nhất, việc thực hiện còn nhiều hạn chế, bất cập chưa hiệu quả.

- Bộ luật tố tụng hình sự chưa quy định nguyên tắc cơ bản của mối quan hệ TTHS giữa CQĐT và VKS dẫn đến việc thực hiện mối quan hệ TTHS này còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập làm hạn chế quyền công tố của VKS.

-Pháp luật hiện hành chưa phân định cụ thể trách nhiệm giữa CQĐT và VKS trong tố tụng hình sự, nên chưa đề cao được trách nhiệm của từng Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự nhất là trường hợp có oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

- Sự phối hợp giữa CQĐT và VKS trong một số trường hợp cụ thể chưa chặt chẽ, chưa phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của các Cơ quan tiến hành tố tụng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự, cơ chế pháp lý để đảm bảo VKS có vị trí, vai trò quan trọng và quyết định trong tố tụng hình sự chưa được thể hiện rõ. Trong đó CQĐT và VKS chưa được tổ chức một

cách độc lập, chuyên biệt với tư cách là những cơ quan tư pháp quan trọng trong bộ máy nhà nước. Viện kiểm sát có thẩm quyền chế ước hoạt động điều tra nhưng chưa có cơ chế pháp lý chặt chẽ để đảm bảo thực hiện.

Với những phân tích trên có thể rút ra yêu cầu điều tra là một quyền năng quan trọng của Viện kiểm sát. Trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, việc đề ra yêu cầu điều tra có thể được thực hiện bằng lời nói hay bằng văn bản. Tuy nhiên việc thực hiện bằng văn bản vẫn là chủ yếu nó thể hiện đầy đủ ý chí, quan điểm của kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án và được lưu trong hồ sơ tố tụng. Một bản yêu cầu điều tra có chất lượng giúp ích rất nhiều cho Điều tra viên trong việc thu thập, củng cố chứng cứ và hoàn thiện thủ tục tố tụng, góp phần vào việc giải quyết vụ án.

Từ những vấn đề đó được trình bày ở trên khái niệm, phạm vi và nội dung của THQCT nói chung và yêu cầu điều tra của VKS nói riêng, có thể đi đến kết luận về khái niệm yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát như sau:

Yêu cầu điều tra là một văn bản hoặc lời nói của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đưa ra cho Điều tra viên, nêu rõ những vấn đề cần điều tra thu thập, củng cố chứng cứ, hoàn thiện các thủ tục tố tụng bảo đảm cho việc điều tra được toàn diện, khách quan và triệt để theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Đặc điểm yêu cầu điều tra

Yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, yêu cầu điều tra mang tính định hướng cho hoạt động điều tra: Thể hiện qua các dạng yêu cầu như yêu cầu tiến hành điều tra những tình tiết của vụ án chưa được điều tra hoặc đã được điều tra nhưng chưa rõ; chứng minh tính có căn cứ của những chứng cứ do Cơ quan điều tra đã thu thập; giải quyết các mâu thuẫn giữa các chứng cứ; yêu cầu Cơ quan điều tra ban hành và thực hiện các quyết định tố tụng hình sự để giải quyết vụ án hoặc

định hướng giải quyết vụ án như: Quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định nhập, tách, chuyển vụ án hình sự, các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, quyết định bổ sung, thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự. Như vậy có thể thấy việc đề ra yêu cầu điều tra được thể hiện có đúng hướng, đầy đủ hay không thể hiện vào việc Kiểm sát viên đã định hướng và gắn trách nhiệm của kiểm sát viên với Điều tra viên thông qua bản yêu cầu điều tra.

Thứ hai, yêu cầu điều tra bảo đảm tính kịp thời: Việc đề ra yêu cầu điều tra của KSV có ý nghĩa cực kì quan trọng đối với kết quả điều tra của CQĐT. Hoạt động điều tra có đầy đủ hay không, có kịp thời, hiệu quả hay không một phần phụ thuộc rất lớn vào việc đề ra YCĐT của KSV. Vì vậy, KSV phải bám sát quá trình điều tra của CQĐT để có những yêu cầu điều tra kịp thời, hiệu quả, đúng với những vấn đề cần phải điều tra, thì sẽ hạn chế được tình trạng VKS phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung hoặc tránh được tình trạng mất mát, thất lạc chứng cứ... Hoạt động đề ra yêu cầu điều tra phải được thực hiện ngay từ đầu. Từ khi có Quyết định khởi tố vụ án và xuyên suốt quá trình điều tra.

Thứ ba, yêu cầu điều tra mang tính chính xác: Việc đề ra yêu cầu điều tra mang tính chính xác thể hiện từ khi KSV nghiên cứu hồ sơ phát hiện những vấn đề chưa rõ, còn thiếu hoặc mâu thuẫn, bỏ lọt tội phạm là hết sức quan trọng

Thứ tư, yêu cầu điều tra mang tính bắt buộc: Hiện nay đang tồn tại những quan điểm khác nhau về giá trị pháp lý của yêu cầu điều tra như: yêu cầu điều tra là “bắt buộc” thực hiện đối với Cơ quan điều tra hay “không bắt buộc” thực hiện hoặc chỉ mang tính “bắt buộc tương đối” đối với Cơ quan điều tra .[11]

Theo quan điểm của tác giả thì việc quy định kiểm sát viên có quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành hoạt động điều tra xuất phát từ nhiệm vụ thực hành quyền công tố của VKS và từ bản chất của mối quan hệ phối hợp chế ước giữa VKS với CQĐT trong tố tụng hình sự. Với tư cách là Cơ quan duy nhất được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát phải chịu trách nhiệm trước nhà nước, trước xã hội về quyết định truy tố của mình. Do đó để xác định sự thật khách quan của vụ án, giúp cho việc truy tố của VKS có căn cứ pháp luật thì kiểm sát viên có trách nhiệm đề ra yêu cầu điều tra. Trong giai đoạn điều tra kiểm sát viên không phải là người chứng kiến các hoạt động điều tra mà phải sử dụng tất cả các quyền năng pháp lý trong đó có quyền tra yêu cầu điều tra để yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra nhằm phát hiện, thu thập, củng cố chứng cứ bảo đảm việc truy tố người phạm tội một cách chính xác và đúng pháp luật. Trong tố tụng hình sự, đề ra yêu cầu điều tra là một trong những biện pháp pháp lý mà kiểm sát viên có quyền áp dụng từ khi có sự kiện phạm tội xảy ra cho đến khi kết thúc điều tra nên cần phải được bảo đảm thực hiện.

Chính vì lẽ đó mặc dù tại Điều 114 của BLTTHS chỉ quy định: “Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của VKS. Đối với những yêu cầu và quyết định, quy định tại Điều 4,5 và 6 Điều 112 của BLTTHS nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra vẫn phải chấp hành nhưng có quyền kiến nghị với VKS cấp trên trực tiếp mà không đề cập cụ thể đến quy định tại khoản 2 Điều BLTTHS nhưng để thi hành thống nhất của BLTTHS liên quan đến việc yêu cầu điều tra của VKS. Tại mục 9 Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/09/2005 khi nói về “trách nhiệm của Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nhanh chóng các yêu cầu và quyết định tại điểm 1, 2 và 3 Điều 112 của BLTTHS.

Nói tóm lại, theo các quy định nêu trên thì khi Kiểm sát viên đã đề ra yêu cầu điều tra thì Điều tra viên có trách nhiệm phải thực hiện, chỉ trong

trường hợp yêu cầu điều tra của kiểm sát viên không có căn cứ, không hợp pháp hoặc không thể được vì lý do khách quan thì mới không bắt buộc Điều tra viên phải thực hiện nhưng phải thống nhất thông báo lý do cho VKS biết và nêu rõ trong bản kết luận điều tra. Muốn bảo đảm cho yêu cầu điều tra Điều tra viên thực hiện nghiêm chỉnh thì Kiểm sát viên phải nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra, góp phần thiết thực vào việc giải quyết vụ án.

1.3. Nội dung yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu điều tra là việc thu thập chứng cứ phải đảm bảo đúng thủ tục tố tụng là một yêu cầu bắt buộc để đảm bảo giá trị pháp lý, giá trị chứng minh của chứng cứ trong vụ án hình sự. Do vậy, kiểm sát viên phải hết sức chú ý, khi kiểm tra tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập nếu phát hiện có vi phạm như vấn đề giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, vấn đề mời luật sư theo quy định, vấn đề người chứng kiến, người giám hộ....kiên quyết phải yêu cầu bổ sung cho đúng thủ tục.

Việc ban hành và thực hiện các quyết định tố tụng để giải quyết vụ án và định hướng giải quyết vụ án như: Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự....phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật, vì các biện pháp này liên tục trực tiếp đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân.

Ngoài ra còn những vấn đề khác như xác minh lý lịch bị can, trích lục bản án, tiền án, tiền sự, giao nhận các quyết định tố tụng, bảo quản, xử lý vật chứng....trong khi tiến hành kiểm sát điều tra nếu phát hiện Điều tra viên chưa làm, chưa thực hiện thì cũng phải có yêu cầu điều tra kịp thời. Vì đây cũng là vấn đề không thể thiếu trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

-Về chứng cứ:

Thứ nhất: yêu cầu CQĐT áp dụng các biện pháp điều tra để thu thập chứng cứ như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm

điều tra, khám xét dấu vết trên thân thể, trưng cầu giám định, giám định bổ sung, giám định lại, khám xét, thu giữ đồ vật, tài sản, yêu cầu lấy lời khai của người tham gia tố tụng, hỏi bị can về những nội dung cần chứng minh, làm rõ, yêu cầu tiến hành đối chất, nhận dạng...

Thứ hai: làm rõ những hành vi phạm tội, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi; do cố ý hay do vô ý, có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can và những đặc điểm về nhân thân của bị can, tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Chỉ yêu cầu tiến hành điều tra những tình tiết của vụ án chưa được điều tra hoặc đã điều tra nhưng chưa rõ; chứng minh tính có căn cứ của những chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập; giải quyết các mâu thuẫn giữa các chứng cứ định hướng điều tra cho sát đúng với nội dung luật định; xác định diện đối tượng cần làm rõ để khởi tố mở rộng điều tra vụ án.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp, có nhiều bị can tham gia, có bị can không nhận tội, Kiểm sát viên phải đánh giá, phân hóa từng vấn đề cần chứng minh làm rõ. Trên cơ sở đó đề ra yêu cầu điều tra từng vấn đề liên quan tới từng bị can, chú trọng yếu tố có tài liệu chứng cứ vật chất, chứng cứ có tính khách quan và biện pháp điều tra.

Như vậy, thông qua hoạt động yêu cầu điều tra trước khi phê chuẩn, Viện kiểm sát sẽ loại bỏ được nhiều người bị đề nghị khởi tố, bắt tạm giam không có căn cứ, loại bỏ được khả năng dẫn đến oan sai ngay từ giai đoạn trước khi phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can.

Bên cạnh đó, sau khi đề ra yêu cầu điều tra, Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra của Điều tra viên, các biện pháp của Điều tra viên, bảo đảm các yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên được thực hiện đầy đủ,

nếu phát sinh tình tiết mới, kiểm sát viên cần kịp thời đề ra yêu cầu điều tra bổ sung để Điều tra viên thực hiện.

Nội dung cơ bản của yêu cầu điều tra

Một bản yêu cầu điều tra có chất lượng phải đảm bảo cả về hình thức và nội dung. Hình thức văn bản được thể hiện trên cơ sở hướng dẫn, quy định của ngành, đã được VKSNDTC xây dựng biểu mẫu cụ thể ban hành kèm theo Quyết định số 07 ngày 02/01/2008 của Viện trưởng VKSNDT. Nội dung yêu cầu điều tra phải đảm bảo cụ thể, rõ ràng, đúng trọng tâm và cần thiết để làm rõ tất cả những vấn đề pháp lý của vụ án, có tính khả thi, không mang tính hình thức và phải thể hiện được một số vấn đề sau:

Thứ nhất: đề ra yêu cầu điều tra một cách toàn diện, chính xác, đầy đủ là việc làm không đơn giản, đòi hỏi kiểm sát viên phải có kinh nghiệm, trình độ, phải biết phân tích, tổng hợp, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, phải đánh giá đúng hành vi, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và hậu quả của nó. Phải xác định được vai trò, trách nhiệm và nhân thân của từng bị can, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở nghiên cứu kỹ các tài liệu điều tra đã có trong hồ sơ, đối chiếu với quy định về những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự để tìm ra các vấn đề chưa được làm sáng tỏ, từ đó yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Mặt khác yêu cầu điều tra đòi phải mang tính khả thi, có nội dung rõ ràng, tránh tình trạng nêu yêu cầu không rõ ràng, không mang tính khả thi khiến Điều tra viên không thể tiến hành điều tra được, nếu như vụ án còn có vấn đề chưa được làm rõ thì phải ra bản yêu cầu điều tra để đảm bảo việc điều tra được toàn diện, triệt để; bởi thực tế đã chứng minh, trong quá trình điều tra đôi khi bỏ qua một tình tiết nhỏ nhưng dẫn tới hậu quả vô cùng lớn, khi tiến hành điều tra những vấn đề đương nhiên Điều tra viên phải làm (như lập danh chỉ bản, xác định căn cước, lý lịch bị can...) thì không cần yêu

cầu điều tra bằng văn bản. Nếu trong hồ sơ vụ án thiếu những tài liệu đó thì Kiểm sát viên trao đổi với Điều tra viên bổ sung.

Tóm lại, nội dung của yêu cầu điều tra phải nêu lên được những vấn đề chưa được chứng minh làm rõ trong vụ án, tùy thuộc vào nội dung từng vụ án và từng loại tội phạm cụ thể. Yêu cầu điều tra phải có tính khả thi và phải bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ trình tự tố tụng mà pháp luật đã quy định. Trên thực tế các Điều tra viên rất giỏi về chiến thuật điều tra, nhưng thiên về chứng cứ buộc tội, coi nhẹ việc thu thập chứng cứ gỡ tội và việc tuân thủ các thủ tục tố tụng. Vì vậy, căn cứ kết quả, tài liệu điều tra cụ thể mà Kiểm sát viên đề ra yêu cầu điều tra làm rõ sự thật khách quan của vụ án và bổ sung. Khắc phục những tồn tại về mặt tố tụng, hạn chế đến mức thấp nhất việc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Thứ hai: để có một bản yêu cầu điều tra chất lượng, có nội dung đầy đủ, toàn diện, sát với tiến độ điều tra và bảo đảm mang tính khả thi, thì cần thực hiện để ra một bản yêu cầu điều tra như sau:

Nghiên cứu kỹ các tài liệu có trong hồ sơ, nắm vững các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan để áp dụng giải quyết vụ án cụ thể.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ cần phân tích, đánh giá chứng cứ, đưa ra các giả thiết về diễn biến của vụ án, đặt ra các câu hỏi và câu trả lời về những vấn đề cần chứng minh trong vụ hình sự theo quy định tại Điều 33 và Điều 302 của BLTTHS, trên cơ sở đó nêu ra những vấn đề cần phải yêu cầu điều tra để yêu cầu điều tra.

Nghiên cứu các thủ tục tố tụng, xác định những thủ tục nào chưa được thực hiện hay đã thực hiện nhưng chưa đúng quy định của BLTTHS để yêu cầu Cơ quan điều tra thực hiện và khắc phục, bổ sung, hoàn thiện.

Bản yêu cầu điều tra phải đảm bảo đúng hình thức và nội dung

Trình lãnh đạo Viện, lãnh đạo phòng thông qua bản yêu cầu điều tra trước khi phát hành. Sau khi kiểm sát viên ký và đóng dấu, bản yêu cầu điều tra được gửi cho Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Lãnh đạo viện và Lãnh đạo phòng lưu hồ sơ kiểm sát, Kiểm sát viên cần làm việc với Điều tra viên về từng nội dung yêu cầu điều tra để có sự thống nhất về hoạt động điều tra, những nội dung nào điều tra viên chưa làm rõ hoặc chưa hiểu đầy đủ cần giải thích. Trong trường hợp cần thiết có thể trao đổi với Điều tra viên về cách thức tiến hành điều tra để đạt được nội dung theo yêu cầu điều tra

Kiểm sát viên thường xuyên theo dõi tiến độ điều tra, những vấn đề phát sinh cần điều tra tiếp thì trao đổi trực tiếp bằng lời nói với Điều tra viên hoặc Lãnh đạo Cơ quan điều tra để củng cố hoặc ra bản yêu cầu điều tra tiếp.

Trước khi vụ án kết thúc điều tra, kiểm sát viên phải nghiên cứu hồ sơ để xác định toàn bộ những yêu cầu điều tra đã được Điều tra viên, Cơ quan điều tra thực hiện đúng và đầy đủ chưa, có còn vấn đề nào chưa thực hiện hoặc cần phải điều tra bổ sung thì tiếp tục yêu cầu điều tra để hoàn chỉnh hồ sơ trước khi kết thúc điều tra.

Như vậy, Bộ luật TTHS có 14 chương với 267 điều quy định về các loại tội phạm phạm tội nhiều khách thể khác nhau cần được bảo vệ. Do đó, khi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, ngoài những yêu cầu điều tra chung cần thực hiện để chứng minh tội phạm quy định tại Điều 63, Điều 302 của BLTTHS thì yêu cầu điều tra đối với mỗi loại tội phạm khác nhau lại mang tính chất riêng có căn cứ vào vào các yếu tố cấu thành tội phạm, các tình tiết định tội, định khung hình phạt cũng như tính chất đặc thù của từng loại tội phạm đó.

Kết luận chương 1

Với các nội dung mà tác giả trình bày trong 3 tiết của chương 1, tác giả đã tập trung phân tích, luận giải những vấn đề lý luận cơ bản nhất về yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát như khái niệm, đặc điểm, nội dung; phân tích

các quan điểm khác nhau về yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra bổ sung, từ đó đưa ra quan điểm của người nghiên cứu về khái niệm này. Những nhận thức chung về yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát là cơ sở để tác giả phân tích làm khái niệm, đặc điểm của yêu cầu điều tra. Bên cạnh đó luận văn cũng đi sâu phân tích các quy định pháp luật trong việc thực hành quyền công tố đề ra yêu cầu điều tra của VKS, đặc biệt là quy định của pháp luật trong đó có một số bất cập khi thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và mối quan hệ giữa CQĐT và VKS. Đây cũng là những yếu tố quan trọng hành đầu để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn kiểm sát điều tra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG YÊU CẦU ĐIỀU TRA CỦA VIỆN KIỂM SÁT TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1 Quy định của pháp luật về yêu cầu điều tra đối với các vụ án hình sự

Theo quy định của Điều 137 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001, gọi tắt là Hiến pháp năm 1992), VKSND có hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp (KSHĐTP) và hiện nay Hiến pháp năm 2013 cũng vẫn quy định viện kiểm sát có hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Trước những đòi hỏi của công cuộc đổi mới đất nước và cải cách tư pháp, Đảng và Nhà nước luôn đặt ra những yêu cầu mới trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của cơ quan này. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đã đặt ra yêu cầu đối với VKSND các cấp là: “Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ...”. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” xác định: “...tăng cường nhiệm vụ của công tố trong hoạt động điều tra...”. Tiếp theo đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ IX của Ban Chấp hành Trung ương khóa X ngày 05/01/2009 về việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả cải cách tư pháp đã khẳng định: “...Bảo đảm có điều kiện cho Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra...”. Điều này cho

thấy, hoạt động THQCT và KSHĐTP trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự của VKSND không ngừng được nâng cao về chất lượng, đổi mới về nội dung, phương pháp, cách thức thực hiện nhằm tạo ra những chuyển biến mới về chất của công tác này.

Chức năng, nhiệm vụ của VKSND đã được quy định cụ thể trong Điều 137 Hiến pháp năm 1992, Điều 13 - 14 Luật tổ chức VKSND năm 2002 và Điều 112 - 113 BLTTHS năm 2003. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, VKSND các cấp đã góp phần hạn chế, khắc phục các vi phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT), người tiến hành tố tụng, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCHN), tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, quyền và lợi ích của Nhà nước, các tổ chức xã hội khác, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Với hai chức năng cơ bản mà nhà nước giao cho VKSND là THQCT và KSHĐTP, Điều 23 BLTTHS năm 2003 quy định: “Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội”. Trên cơ sở các quy định của BLTTHS Việt Nam, quá trình tố tụng của nước ta trải qua các giai đoạn: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Do đó, với tư cách là một cơ quan thay mặt Nhà nước, VKSND là cơ quan đảm nhận việc thực hiện chức năng truy tố người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử, đồng thời là cơ quan giám sát của Nhà nước trong quá trình giải quyết vụ án hình sự từ giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Trong các giai đoạn tố tụng hình sự, VKSND đều đảm nhận hai chức năng đã nêu, nhưng việc thực hiện chức năng THQCT và KSHĐTP lại có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn điều tra. Bởi lẽ, trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm, điều tra là hoạt động khám phá, phát hiện tội phạm. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, “có thể nói

những kết quả khả quan cũng như những sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội... thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra” [1]. Điều tra là giai đoạn thứ hai của quá trình tố tụng, trong đó, CQĐT căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và dưới sự kiểm sát của VKSND tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố chứng cứ, nghiên cứu các tình tiết của vụ án, phát hiện nhanh chóng và đầy đủ tội phạm, cũng như người có lỗi trong việc bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra... Trên cơ sở này ra các quyết định: đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, chuyển toàn bộ tài liệu, chứng cứ cho VKSND đề nghị truy tố người phạm tội theo tội danh nhất định được quy định trong Bộ luật hình sự (BLHS). Như vậy, căn cứ vào các quy định của Hiến pháp, BLTTHS, các luật về tổ chức và lý luận luật tố tụng hình sự, thì chức năng của VKSND trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là tổng thể những biện pháp, cách thức mà VKSND áp dụng để chứng minh việc thực hiện tội phạm, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra, xác định rõ nguyên nhân và điều kiện thực hiện hành vi phạm tội, lỗi và động cơ, mục đích phạm tội, cũng như các vấn đề khác để làm sáng tỏ vụ án. Phạm vi thực hiện chức năng của VKSND trong giai đoạn điều tra bắt đầu từ khi CQĐT hoặc một số cơ quan khác có thẩm quyền điều tra ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc khi CQĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố người phạm tội hoặc tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án.

Thẩm quyền và trách nhiệm của VKSND trong quá trình điều tra vụ án thông qua việc đề ra các yêu cầu điều tra đối với CQĐT nhằm chống làm oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, bảo đảm cho việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 112 BLTTHS năm 2003, khi THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự, VKSND phải đề ra yêu cầu điều tra và bám sát các hoạt động điều tra của CQĐT, bảo đảm các yêu cầu điều tra phải được

thực hiện. Khi phát hiện các tình tiết mới phát sinh trong quá trình điều tra, VKSND phải có yêu cầu bổ sung để CQĐT làm rõ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 112 BLTTHS khi THQCT và KSHĐTP ở giai đoạn điều tra, ngoài thẩm quyền yêu cầu CQĐT tiến hành các hoạt động điều tra và kiểm sát các hoạt động điều tra của CQĐT, VKSND có quyền trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra như hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn, bị đơn dân sự... đối chất, thực nghiệm điều tra, nhằm kiểm tra tính khách quan, chính xác trong các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án trước khi ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền hoặc để phát hiện vi phạm của CQĐT.

Theo quy định tại điều 14 Luật tổ chức VKSND năm 2002 và BLTTHS năm 2003 quy định: khi thực hiện công tác KSĐT, VKSND có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây. 3.2.1. Kiểm sát việc khởi tố; kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án hình sự của Cơ quan điều tra VKSND trong quá trình KSĐT vụ án hình sự phải kiểm sát chặt chẽ việc gửi kịp thời quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT, tránh tình trạng CQĐT chậm trễ trong việc gửi quyết định cho VKSND hoặc có sự kiện phạm tội xảy ra nhưng không được khởi tố vụ án. VKSND phải kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định không khởi tố vụ án hình sự đảm bảo các “dấu hiệu tội phạm” phải được phản ánh trong quyết định khởi tố vụ án và trong hồ sơ, tài liệu xác minh đơn, tin báo, tố giác tội phạm... Sau khi nhận được quyết định không khởi tố vụ án hình sự cần kiểm tra xem xét tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định. Tính có căn cứ của quyết định là những căn cứ quy định tại Điều 107 BLTTHS. Khi xem xét quyết định, VKSND phải đảm bảo thẩm quyền của cơ quan ra quyết định, người ra quyết định, nội dung và hình thức quyết định cũng như những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là đúng với quy

định của pháp luật. Khi tiến hành kiểm sát quyết định khởi tố bị can, VKSND bảo đảm quyết định khởi tố bị can phải thỏa mãn được các điều kiện mà pháp luật đã quy định, đó là tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định. Trong hoạt động kiểm sát khởi tố bị can, VKSND trước hết phải xác định được thẩm quyền của cơ quan, người ra quyết định khởi tố bị can có đúng quy định của pháp luật không. Hình thức và nội dung của quyết định khởi tố bị can có đảm bảo đúng pháp luật không. Khởi tố bị can về tội gì, theo điều nào của BLHS phải được ghi rõ trong quyết định khởi tố bị can. Trong quá trình KSĐT vụ án, VKSND có trách nhiệm kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ của CQĐT nhằm bảo đảm các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra phải được thể hiện trong hồ sơ vụ án, các tài liệu trong hồ sơ phải được sắp xếp, đánh số bút lục theo đúng trình tự

Trong quá trình KSĐT vụ án hình sự, Kiểm sát viên chủ động yêu cầu Điều tra viên giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ người bị tạm giữ, bị can và những người tham gia tố tụng khác trong hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 62 BLTTHS. Kiểm sát việc lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan đến vụ án, người làm chứng của Điều tra viên: Kiểm sát viên chủ động yêu cầu Điều tra viên lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; không để sót những người làm chứng quan trọng mà họ trực tiếp nghe được, nhìn thấy hành vi phạm tội, bảo đảm cho họ quyền đưa ra tài liệu, đồ vật những yêu cầu của mình để làm rõ vụ án; nếu thấy cần thiết thì đồng thời với việc ghi lời khai, có thể ghi âm, chụp ảnh, ghi hình. Kiểm sát việc hỏi cung bị can của Điều tra viên: Kiểm sát viên phải chủ động bàn với Điều tra viên về kế hoạch và đề ra yêu cầu hỏi cung bị can ngay sau khi khởi tố bị can để làm rõ các vấn đề có liên quan đến tội phạm đã khởi tố.

Hoạt động này được quy định cụ thể tại Điều 37, khoản 2 Điều 112 Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Thông tư 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Điều 19 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự (Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 2/1/2008 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao “Về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm”; Điều 12 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT ngày 27/8/2010 của VKSTC-BCA-TATC hướng dẫn quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung quy định về trách nhiệm của Viện kiểm sát,

Thao tác nghiệp vụ yêu cầu điều tra có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình điều tra vụ án hình sự, được bắt đầu từ khi cơ quan cảnh sát điều tra thụ lý giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Vì vậy, Kiểm sát viên cần xác định việc đề ra yêu cầu điều tra là một việc làm bắt buộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra ở bất kỳ vụ án hình sự nào, không phân biệt tính chất vụ án, mức độ, hậu quả của tội phạm. Việc đề ra yêu cầu điều tra sát thực, có căn cứ chính xác sẽ góp phần rất quan trọng cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự được khách quan, kịp thời, đúng quy định của pháp luật, triệt tiêu được tình trạng oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự và trách nhiệm chứng minh tội phạm đã được quy định tại Điều 10, Điều 63 và Điều 302 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), theo đó “Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo” và “trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”. Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải chứng minh: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Đối với các vụ án do người chưa thành niên phạm tội gây ra, khi tiến hành điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cần phải xác định rõ: Tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên; điều kiện sinh sống và giáo dục; có hay không có người thành niên xúi giục; nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Với chức năng đã được Hiến pháp và pháp luật quy định, Viện kiểm sát nói chung và Kiểm sát viên nói riêng có vai trò và trách nhiệm rất lớn trong việc chứng minh tội phạm, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội thông qua việc yêu cầu điều tra được quy định tại Điều 37, Điều 112 của BLTTHS và Điều 13 của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT- VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 đã chỉ rõ hơn một số vấn đề liên quan đến yêu cầu điều tra, theo đó thì Kiểm sát viên phải kịp thời trao đổi với Điều tra viên được phân công điều tra vụ án về những vấn đề cần điều

tra ngay từ khi kiểm sát việc khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường và trong quá trình điều tra, bảo đảm phối hợp để Cơ quan điều tra nhanh chóng thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Kiểm sát viên có thể trực tiếp đề ra yêu cầu điều tra bằng miệng trong quá trình kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đối chất, thực nghiệm điều tra. Đối với các trường hợp khác đề ra yêu cầu điều tra, Kiểm sát viên phải có văn bản nêu rõ những vấn đề cần điều tra để củng cố chứng cứ hoặc để làm rõ những tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63 của BLTTHS. Đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp thì Kiểm sát viên phải xin ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát trước khi ký văn bản yêu cầu điều tra. Điều tra viên được phân công điều tra vụ án phải nghiên cứu để tiến hành điều tra những vấn đề mà Kiểm sát viên yêu cầu; nếu thấy cần thì trao đổi với Kiểm sát viên để làm rõ nội dung những yêu cầu đó. Trường hợp không nhất trí thì Điều tra viên báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Kiểm sát viên báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát để thống nhất chỉ đạo việc điều tra. Trường hợp Cơ quan điều tra không thực hiện những yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát thì nêu rõ lý do trong bản kết luận điều tra, khắc phục việc Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung dẫn đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài. Những nội dung liên quan nêu trên cũng đã được khẳng định lại tại Điều 8, Điều 19 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao - sau đây viết tắt là Quy chế số 07).

Tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả

hồ sơ để điều tra bổ sung đã quy định Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra phải phối hợp chặt chẽ ngay từ khi tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra vụ án. Điều tra viên phải chủ động gửi đầy đủ, kịp thời các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được cho Kiểm sát viên thụ lý vụ án và thực hiện đầy đủ các yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát. Kiểm sát viên phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc tiến độ điều tra vụ án, nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên đã thu thập, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, chủ động phối hợp với Điều tra viên để điều tra làm rõ những vấn đề cần chứng minh ngay trong giai đoạn điều tra vụ án; đồng thời, kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra, bảo đảm việc điều tra vụ án khách quan, toàn diện, đúng pháp luật... nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Đồng thời, xác định trách nhiệm trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên khi không đề ra yêu cầu điều tra hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với những vấn đề có thể phát hiện được dẫn đến sau đó vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Tuy nhiên, qua công tác kiểm sát việc khởi tố, điều tra ở tỉnh Thái Nguyên, tác giả thấy rằng một số cán bộ, Kiểm sát viên chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng trong hoạt động này của Viện kiểm sát, từ đó có trường hợp làm yêu cầu điều tra để hợp thức hóa, chiếu lệ; nội dung một số yêu cầu điều tra không sát với nội dung vụ án mà còn mang tính chung chung, không rõ ràng. Cá biệt còn có tình trạng tự ý đặt ra những quy định không đúng luật như tự do soạn thảo văn bản không đúng theo biểu mẫu của ngành, Bản yêu cầu điều tra còn chung chung, dài dòng, lập đi lập lại, chưa chú trọng vào việc phân tích và đánh giá chứng cứ để tìm ra những vấn đề cần phải điều tra làm rõ, những vấn đề liên quan đến tố tụng cần khắc phục hoặc do chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ nên bản yêu cầu điều tra nêu những vấn đề Điều tra viên đã làm, thậm chí đưa ra những yêu cầu điều tra mà Điều tra viên khó thực hiện hoặc

không thực hiện được (ví dụ như yêu cầu phải xác minh, lấy lời khai của các đối tượng liên quan đang bỏ trốn ở nước ngoài, yêu cầu xác minh lý lịch tư pháp, trích lục tiền án, tiền sự đối tượng là người nước ngoài); yêu cầu điều tra chuẩn bị còn sơ sài, sử dụng thuật ngữ thiếu chính xác, chưa bám sát các quy định của BLTTHS và chưa theo mẫu do Viện trưởng VKSTC ban hành..., từ đó làm cho hiệu lực văn bản pháp lý quan trọng này của Viện kiểm sát chưa cao, dẫn đến hoạt động điều tra của Điều tra viên còn lan man, thiếu định hướng, từ đó việc điều tra ở một số vụ án còn kéo dài hoặc hồ sơ phải trả đi trả lại để điều tra bổ sung, điều tra lại vì thiếu chứng cứ; vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; vì lý do bị can, bị cáo phạm một tội khác, có đồng phạm khác. Điều này gây ra sự hoài nghi trong nhân dân, dẫn đến việc khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tố tụng hình sự rất phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của ngành Kiểm sát nói chung và cán bộ, Kiểm sát viên nói riêng.

Từ những phân tích trên, tác giả thấy rằng việc đề ra yêu cầu điều tra là hết sức cần thiết và được pháp luật quy định trong BLTTHS, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, và các thông tư hướng dẫn cụ thể về việc đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn có những vướng mắc khi thực hiện yêu cầu điều tra cần phải có những giải pháp để nâng cao chất lượng bản yêu cầu điều tra và nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm của từng Kiểm sát viên theo yêu cầu cải cách tư pháp.

2.2. Thực trạng việc đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên

2.2.1. Đặc điểm tỉnh Thái Nguyên.

Thái Nguyên một tỉnh trung du miền núi phía bắc với địa hình có nhiều dãy núi cao chạy dọc theo hướng Bắc Nam và thấp dần xuống phía nam, cấu trúc vùng núi phía bắc chủ yếu đa phong hóa mạnh, tạo nhiều hang động và thung lũng nhỏ, phía tây nam có dãy núi Tam Đảo với đỉnh cao 1.590m, các

vạch núi dựng đứng kéo dài theo hướng tây bắc - đông nam. Ngoài dãy núi trên còn có dãy núi Ngân Sơn bắt đầu từ Bắc Kạn chạy theo hướng đông bắc - tây nam đến Võ Nhai và dãy núi Bắc Sơn chạy theo hướng tây bắc, đông nam với địa hình trên thì Thái nguyên đã có những thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó dân sự trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cũng có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống chủ yếu là dân tộc Kinh, tày, nùng, sán diu, sán chay, hoa và dao chung sống, dân cư phân bố không đều đã làm cho tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh ngày một phức tạp. Do vậy các cấp ủy và chính quyền trên địa bàn toàn tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt là “Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”, tăng cường công tác phòng chống tội phạm, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát để giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh[6].

2.2.2. Kết quả việc đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp, nhiệm vụ công tác của Ngành Kiểm sát, trong đó có nhiệm vụ đề ra yêu cầu điều tra. Trên cơ sở Chỉ thị công tác hàng năm của Viện trưởng VKSND tối cao; Viện trưởng VKSND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quy định số 263/VP ngày 06/3/2016, trong đó tại mục 2.3 quy định cụ thể: “*Trong thời hạn 7 ngày kể từ khi được phân công KSĐT, Kiểm sát viên phải đề ra yêu cầu điều tra...*”. Nhiệm vụ, kế hoạch công tác hàng năm của Viện trưởng VKSND tỉnh Thái Nguyên yêu cầu: Kiểm sát viên được phân công Kiểm sát điều tra phải chủ động, tích cực đề ra yêu cầu điều tra, đảm bảo các yêu cầu có căn cứ, bám sát với nội dung vụ án. Kiểm sát viên nắm chắc tiến độ điều tra, thường xuyên

đôn đốc, kiểm tra, yêu cầu Điều tra viên cung cấp ngay những tài liệu, chứng cứ mới thu thập được để xử lý vụ án kịp thời; trường hợp có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa được khởi tố thì kiên quyết yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can nhằm chống bỏ lọt tội phạm. Khi có dấu hiệu điều tra không đúng tội danh, không đúng điều khoản. Phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự, hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, không để xảy ra đình chỉ điều tra vụ án do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm do lỗi chủ quan của Kiểm sát viên; không để xảy ra trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử tuyên bị cáo không phạm tội mà không có căn cứ để kháng nghị; hạn chế tối đa các bản án bị sửa, hủy có liên quan đến trách nhiệm của Kiểm sát viên, bảo đảm việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể được thể hiện năm năm từ năm 2012 đến 2016 như sau:

STT	năm	Tổng số vụ thụ lý	Kết quả thực hiện			
			Có YCĐT	Không YCĐT	YCĐT có chất lượng	Tỷ lệ
1	2012	2873	1850	1023	1560	64,4%
2	2013	1982	1882	100	1763	95%
3	2014	2310	1963	347	1752	87%
4	2015	2861	2654	207	3869	91%
5	2016	1526	1235	291	107	99,2%

(Nguồn: báo cáo công tác kiểm sát 5 năm của VKS tỉnh Thái Nguyên)

Trên cơ sở đó, các phòng 1, 2 VKSND tỉnh, VKSND các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là VKS cấp huyện) đã quán triệt và triển khai thực hiện tới toàn thể cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên trong đơn vị mình. Vì vậy,

cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên đã nhận thức rõ tầm ý nghĩa quan trọng của việc đề ra yêu cầu điều tra và trách nhiệm cá nhân trong quá trình kiểm sát điều tra nên tiến độ, chất lượng của việc đề ra yêu cầu điều tra đã từng bước được nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng công tác kiểm sát điều tra, hạn chế oan, sai, bỏ lọt tội phạm và tình trạng hoàn hồ sơ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như việc hủy án để điều tra lại hoặc đình chỉ vụ án, bị can do không đủ căn cứ xử lý....Nhìn chung các bản YCĐT các KSV đã nghiên cứu kỹ hồ sơ đề ra bản YCĐT ngay sau khi khởi tố vụ án, có đơn vị phần lớn bản YCĐT đã được Lãnh đạo viện duyệt trước khi ban hành bản do đó bản YCĐT đảm bảo chất lượng, nội dung YCĐT bám sát với nội dung vụ án và quá trình điều tra có sự phối hợp chặt chẽ giữa ĐTV và KSV trong việc thực hiện YCĐT như: Bản YCĐT số 21 ngày 08/3/2016, vụ Phạm Văn Sơn phạm tội, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, VKS huyện Đồng Hỷ; Bản YCĐT số 58 ngày 23/5/2016 vụ Nguyễn Tuấn Hải, phạm tội Trộm cắp tài sản, VKS Thị xã Phò Yên; Bản YCĐT số 17 ngày 20/7/2015 vụ Hoàng Văn Thanh, phạm tội Cướp tài sản, VKS huyện Định Hóa; Bản YCĐT số 07 ngày 21/01/2016 vụ Đào Quang Hà, phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, VKS huyện Phú Bình.[22].

Việc quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp và các Chỉ thị, Quy chế của ngành về công tác kiểm sát điều tra các vụ án hình sự phải kịp thời và là nhiệm vụ thường xuyên, Viện kiểm sát 2 cấp thuộc tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện nghiêm chỉnh. Qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Yêu cầu điều tra và trả hồ sơ của VKS trong giai đoạn truy tố được xác định sự thật khách quan trả hồ sơ để ĐTBST là một hoạt động của VKS và TA nhằm mục đích để giúp các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, đồng thời thể hiện

mối quan hệ phối hợp và chế ước giữa cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết VAHS.

Trên cơ sở phân tích các ý kiến khác nhau, luận văn đã đưa ra khái niệm: Trả hồ sơ để ĐTBS là việc Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc HĐXX sơ thẩm quyết định trả lại hồ sơ VAHS cho VKS đã ra quyết định truy tố hoặc VKS cấp sơ thẩm trong giai đoạn truy tố quyết định trả hồ sơ cho CQĐT đã ra bản kết luận điều tra để ĐTBS nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật.

Trả hồ sơ để ĐTBS góp phần xác định sự thật khách quan của vụ án, khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong các giai đoạn điều tra, truy tố nhằm đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Qua kiểm tra sổ sách của các đơn vị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên thấy việc mở và ghi chép đầy đủ sổ theo dõi yêu cầu điều tra là cơ sở quan trọng để lãnh đạo Viện kiểm sát tỉnh phụ trách khối, lãnh đạo các phòng nghiệp vụ và lãnh đạo VKSND cấp huyện thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo điều hành đối với cán bộ, kiểm sát viên trong đơn vị mình.

Nâng cao trách nhiệm của Lãnh đạo, Kiểm sát viên khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định rõ trách nhiệm cá nhân không đề ra được bản yêu cầu điều tra trong quá trình kiểm sát điều tra hoặc nội dung yêu cầu điều tra không đầy đủ có sai sót, vi phạm và không đúng quy định của pháp luật dẫn tới việc điều tra không đầy đủ, không kịp thời, phải trả hồ sơ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc bị hủy án, đình chỉ điều tra do không phạm tội ... để kịp thời kiểm điểm, xử lý nghiêm minh sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự.

Định kỳ hàng tháng kiểm điểm rút kinh nghiệm, đánh giá tiến độ, chất lượng của việc đề ra bản yêu cầu điều tra cũng như việc thực hiện yêu cầu điều tra của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, đặc biệt là đối với những vụ án phức tạp, kéo dài, dư luận quan tâm ...sẽ hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án hình sự, hạn chế tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

Trước khi đề ra bản yêu cầu điều tra, Kiểm sát viên đã nghiên cứu kỹ hồ sơ, tổng hợp đánh giá chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội; đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của những tài liệu, tình tiết, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thực hiện, những nội dung cần tiếp tục làm rõ, từ đó đề ra yêu cầu cụ thể, kịp thời, đảm bảo nội dung yêu cầu điều tra dễ hiểu, có thể thực hiện được, đồng thời gắn với cấu thành cơ bản của từng loại tội phạm và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo tài liệu thu thập được là cơ sở để giải quyết toàn diện vụ án.

Thực hiện tốt quan hệ phối hợp với Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình kiểm sát điều tra để nắm chắc tiến độ điều tra, kịp thời phát hiện những tình tiết mới để tiếp tục đề ra yêu cầu điều tra; tổ chức giao ban định kỳ với Cơ quan điều tra cùng cấp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chỉ ra những tồn tại, thiếu sót trong việc đề ra bản yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên và việc thực hiện yêu cầu điều tra của Điều tra viên, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc đề ra bản yêu cầu điều tra.

Điều này cho thấy VKSND tỉnh Thái Nguyên ngày càng chú trọng đến công tác THQCT kiểm sát điều tra, yêu cầu điều tra có chất lượng. Thông qua đó sẽ có sự đánh giá toàn diện hơn về hoạt động kiểm sát điều tra bằng việc đề ra yêu cầu điều tra, kịp thời phát hiện ra những vi phạm, thiếu sót trong công tác này để yêu cầu CQĐT khắc phục. Trong 5 năm (2012 – 2016) VKS hai cấp đã thực hiện đúng chỉ thị của ngành và của Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014 đã đề ra.

2.2.3. Những hạn chế bất cập của việc đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu ở trên, hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra đối với những vụ án chưa có yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Thái Nguyên thời gian qua còn bộc lộ những hạn chế, tồn tại đó là:

- Việc thiết lập và đăng ký vào sổ theo dõi cập nhật chưa khoa học; số và ngày, tháng ban hành chưa thống nhất, còn trùng lặp. Cá biệt có đơn vị chưa thiết lập sổ theo dõi ban hành YCĐT, còn ghi lẫn cùng sổ theo dõi yêu cầu xác minh; có đơn vị thiết lập sổ quản lý nhưng ban hành YCĐT không vào sổ đăng ký YCĐT như: Bản YCĐT số 130 ngày 15/10/2015 vụ án “Cố ý gây thương tích” đối chiếu với sổ YCĐT số 130 là vụ “Cướp tài sản”; vụ Phan Anh Huy cùng đồng phạm, phạm tội “Cố ý gây thương tích”, YCĐT số 119 ngày 25/9/2015 đối chiếu với sổ thì số 119 là vụ Bùi Trung Văn phạm tội “Cố ý gây thương tích” VKS thành phố Thái Nguyên.[23]

- Trong các vụ án hình sự, việc không đề ra bản YCĐT hoặc đề ra bản YCĐT sơ sài, chiếu lệ, đã không chấp hành đúng quy định của BLTTHS, Quy chế nghiệp vụ của ngành, chưa làm tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong quá trình thực hành quyền công tố, KSĐT vụ án hình sự và hạn chế về năng lực, sử dụng đánh giá chứng cứ, không kịp thời đề ra bản YCĐT để làm rõ những tình tiết của vụ án nhằm giải quyết tận gốc các mâu thuẫn trong tài liệu, chứng cứ như các vụ án: Vụ án Đới Thị Hiền, phạm tội Chứa mại dâm, quyết định khởi tố vụ án số: 121 ngày 28/11/2014, đến ngày 15/01/2015 KSV mới ban hành bản YCĐT (sau gần 2 tháng); Vụ án Phạm Văn Hiện phạm tội “Giao cấu với trẻ em”, quyết định khởi tố vụ án số: 68 ngày 20/8/2015, đến ngày 20/11/2015 KSV mới ban hành bản YCĐT (sau 03 tháng), VKSND huyện Đại Từ; Vụ Nguyễn Văn Nhuận, phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quyết định khởi tố vụ án số: 21 ngày 09/12/2015, đến

ngày 04/5/2016 KSV mới ban hành bản YCĐT (sau gần 05 tháng) của VKSND thành phố Thái Nguyên.[24].

- Những vụ án Kiểm sát viên đề ra bản yêu cầu điều tra nhưng chưa kịp thời, chất lượng chưa cao, nội dung sơ sài chưa bám sát nội dung vụ án, chưa bám sát yêu cầu điều tra, không kịp thời phát hiện những thiếu sót, vi phạm trong quá trình điều tra dẫn đến hậu quả vụ án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc bị hủy án, đình chỉ điều tra vụ án, điển hình như: Vụ Dương Thị Học phạm tội “Cố ý gây thương tích” QĐKTVA số 56 ngày 25/4/2015; bản YCĐT số 16 ngày 04/6/2015 có 05 nội dung. Tuy nhiên quá trình điều tra Điều tra viên không thực hiện đầy đủ các nội dung của bản YCĐT, KSV chưa bám sát quá trình điều tra do đó không phát hiện những vi phạm về thủ tục tố tụng; lời khai của bị cáo, bị hại còn nhiều mâu thuẫn cần làm rõ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo kêu oan, người bị hại kháng cáo tăng hình phạt vụ án đã bị cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại; Vụ án Dương Đình Phương cùng đồng phạm phạm tội “Cố ý gây thương tích” quyết định khởi tố vụ án số 101 ngày 04/9/2014, KSV được phân công chưa bám sát quá trình điều tra, không đề ra bản YCĐT, không phát hiện những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình điều tra vụ án và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thu thập chưa đủ căn cứ để buộc tội đối với các bị cáo, chưa phát hiện những vi phạm tố tụng của ĐTV dẫn đến vụ án bị cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại. Quá trình điều tra KSV đã ban hành bản YCĐT số 38 ngày 27/10/2015, yêu cầu CQĐT thực hiện điều tra theo 05 nội dung nhưng CQĐT chỉ thực hiện 01 nội dung, do đó VKSND huyện Phú Bình đã ban hành bản kiến nghị số 01 ngày 03/3/2016 đối với CQĐT được chấp nhận, (VKS huyện Phú Bình).[25].

- Thống kê số liệu trong 5 năm gần đây (từ năm 2012 đến năm 2016) VKSND tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can là 11552 vụ/ 19097 bị can. Tuy nhiên số lượng các vụ án hình sự qua từng năm là không đồng đều, cao nhất là vào năm 2015 với 4389 vụ (tăng 15,1 % so với

năm 2014) và thấp nhất là vào năm 2013 với 2053 vụ (giảm 12,8% so với năm 2012). Đi sâu vào phân tích kết quả giải quyết của từng năm, nếu lấy năm 2012 làm gốc thì tỷ lệ khởi tố vụ án hình sự của CQĐT và đề ra yêu cầu điều tra của kiểm sát viên có sự biến động (năm 2014, năm 2015 tăng lần lượt 11%; 12,3% nhưng năm 2013 lại giảm 14,9%). Các vụ việc giải quyết đều được VKS hai cấp kiểm sát chặt chẽ, đảm bảo quá trình nghiên cứu hồ sơ, yêu cầu điều tra một cách chặt chẽ diễn ra đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tránh bỏ lọt người, lọt tội.

- Bộ luật tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật đã quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc đề ra bản yêu cầu điều tra nhưng chưa quy định rõ nghĩa vụ thực hiện yêu cầu điều tra đối với Điều tra viên và chưa quy định yêu cầu điều tra có phải là thủ tục bắt buộc đối với 1 vụ án hình sự hay không, thời hạn ra yêu cầu điều tra như thế nào dẫn tới Kiểm sát viên, Điều tra viên chưa thực hiện nghiêm túc như vụ: Vụ Đồng Thị Yên phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra lại, QĐKTVA số: 51 ngày 13/10/2014. Ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Yên đã không nhận tội nhưng KSV được phân công kiểm sát điều tra chưa bám sát quá trình điều tra, không đề ra YCĐT, không có hoạt động tác động đến quá trình điều tra của Cơ quan điều tra nên không phát hiện vi phạm, dẫn đến ngày 30/6/2015 Tòa phúc thẩm tuyên hủy án để điều tra lại. Sau khi cấp phúc thẩm hủy án, KSV mới ban hành bản YCĐT, nhưng ngày ban hành bản YCĐT trước ngày khởi tố vụ án hình sự; Vụ án Triệu Văn Chín phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em”, quá trình kiểm sát điều tra, KSV không đề ra bản YCĐT, không bám sát quá trình điều tra nên dẫn đến việc Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung 01 lần và VKS phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung 04 lần, kéo dài thời gian giải quyết vụ án, vi phạm tố tụng, (VKS huyện Võ Nhai).[26]

2.2.4. Nguyên nhân của sự hạn chế

Từ thực trạng phân tích nêu trên có thể thấy một số yêu cầu điều tra mang tính hình thức, nội dung còn chung chung không nêu rõ những vấn đề cần điều tra thu thập chứng cứ mà mục đích ban hành bản yêu cầu điều tra chỉ là để đối phó thì còn có những nguyên nhân sau:

- *Nguyên nhân khách quan:* Tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, có chiều hướng ngày càng tăng, thủ đoạn ngày càng tinh vi, trong khi đó Kiểm sát viên làm công tác kim sát điều tra phải thực hiện đồng thời nhiều vụ án cùng thời điểm dẫn tới việc đề ra yêu cầu điều tra chưa kịp thời, chất lượng chưa cao.

- Bộ luật tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật đã quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc đề ra bản yêu cầu điều tra nhưng chưa quy định rõ nghĩa vụ thực hiện yêu cầu điều tra đối với Điều tra viên và chưa quy định yêu cầu điều tra có phải là thủ tục bắt buộc đối với 1 vụ án hình sự hay không, thời hạn ra yêu cầu điều tra như thế nào dẫn tới Kiểm sát viên, Điều tra viên chưa thực hiện nghiêm túc.

Nguyên nhân chủ quan.

- Công tác kiểm tra của Lãnh đạo VKS cấp huyện và Lãnh đạo các phòng nghiệp vụ đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, cán bộ còn chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ, lãnh đạo chỉ căn cứ vào báo cáo của Kiểm sát viên, chưa trực tiếp kiểm tra tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, chưa quan tâm đến việc đề ra bản yêu cầu điều tra ngay sau khi vụ án được khởi tố để điều tra (33 vụ/88 vụ án đình chỉ và 76 vụ/113 vụ tạm đình chỉ), trong giai đoạn phê chuẩn hoặc gia hạn thời hạn điều tra, gia hạn thời hạn tạm giam còn xảy ra tình trạng cho KSV “Nợ” bản yêu cầu điều tra chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của việc đề ra yêu cầu điều tra trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên khi thực hiện nhiệm vụ được giao chưa coi trọng, chưa nghiêm túc, chưa nghiên cứu toàn diện vụ án, chưa nắm chắc những vấn đề

phải chứng minh trong vụ án hình sự đối với từng loại tội phạm và từng vụ án cụ thể để kịp thời đề ra yêu cầu điều tra.

- Năng lực, trình độ của 1 số Kiểm sát viên còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Khả năng nghiên cứu, đánh giá chứng cứ yếu, không phát hiện những chứng cứ còn thiếu hoặc những vi phạm tố tụng trong quá trình thu thập chứng cứ để yêu cầu khắc phục. Không định hướng được cho Điều tra viên trong quá trình thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, chứng cứ để áp dụng hình phạt bổ sung; chứng cứ để giải quyết việc bồi thường dân sự hoặc xử lý vật chứng, xử lý tài sản kê biên.

- Một số Kiểm sát viên còn xem nhẹ việc đề ra yêu cầu điều tra, thiếu kiểm tra, giám sát việc thực hiện yêu cầu điều tra để từ đó phát hiện những vấn đề mới phát sinh, những thiếu sót, tồn tại của Điều tra viên khi tiến hành điều tra để kịp thời bổ sung yêu cầu điều tra hoặc báo cáo lãnh đạo đơn vị có biện pháp xử lý kịp thời.

- Cấp ủy chưa thực sự quan tâm chỉ đạo các Cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp ngay từ khi có sự việc phạm tội xảy ra.

- Mọi quan hệ phối hợp giữa lãnh đạo VKS và lãnh đạo Cơ quan điều tra; giữa Kiểm sát viên, Điều tra viên có đơn vị, có lúc, có việc chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ, chưa thống nhất dẫn đến việc đề ra yêu cầu điều tra và việc thực hiện yêu cầu điều tra còn bị xem nhẹ.

Kết luận chương 2

Nội dung chương 2, tác giả sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh để làm rõ thực trạng THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND nói chung và THQCT ở giai đoạn điều tra yêu cầu điều tra của VKS nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Trên cơ sở thống kê số liệu của VKSND tỉnh Thái Nguyên (hai cấp) trong 5 năm từ (2012 - 2016), tác giả

phân tích làm rõ những ưu điểm và kết quả đạt được về lĩnh vực hoạt động này của ngành Kiểm sát Thái Nguyên và nguyên nhân kết quả đạt được.

Nhìn chung, hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra, đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả rất đáng khích lệ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu cải cách tư pháp, hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của VKSND tỉnh Thái Nguyên những năm qua không ít những hạn chế, tồn tại, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, chống tội phạm trong tình hình mới. Nguyên nhân chủ yếu là do pháp luật thực định (đặc biệt là pháp luật hình sự và Tố tụng hình sự) còn nhiều bất cập, năng lực trình độ của một bộ phận cán bộ, kiểm sát viên còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu, công tác quản lý, chỉ đạo điều hành mặc dù đã có chuyển biến, đổi, tuy nhiên chưa mang hiệu quả thiết thực;

Thực trạng trên cho thấy, yêu cầu phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra đối với việc yêu cầu điều tra là một yêu cầu cấp thiết. Do đó, đề ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay cũng như hiệu quả, hiệu lực trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát nhân dân các cấp ở tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
YÊU CẦU ĐIỀU TRA

3.1. Quan điểm nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát nhân dân

Việc quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp và các Chỉ thị, Quy chế của ngành về công tác kiểm sát điều tra các vụ án hình sự phải kịp thời và là nhiệm vụ thường xuyên, Viện kiểm sát 2 cấp thuộc tỉnh phải nghiêm chỉnh thực hiện. Qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Đề ra bản yêu cầu điều tra là nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm sát viên đã được quy định rõ trong BLTTHS, Luật tổ chức VKSND, Quy chế nghiệp vụ của ngành và các Chỉ thị công tác hàng năm của Viện trưởng VKSNDTC, Nhiệm vụ, kế hoạch công tác của VKSND tỉnh nên phải được quán triệt thực hiện tới toàn thể cán bộ, Kiểm tra viên, Kiểm sát viên, việc đề ra yêu cầu điều tra có chất lượng, hiệu quả, thường xuyên và kịp thời sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát và góp phần quan trọng trong việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Việc đề ra bản yêu cầu điều tra phải được quán triệt thực hiện ngay sau khi vụ án được khởi tố điều tra, có làm tốt từ giai đoạn này mới xác lập được hoạt động kiểm sát và thực hành quyền công tố của VKS, đồng thời sẽ giảm thiểu đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm đảm bảo cho việc khởi tố bị can, xác định người làm chứng, vật chứng và các yếu tố có ý nghĩa chứng minh, phạm vi được chứng minh chính xác.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, kiểm sát viên về chủ trương của Đảng, Nhà nước về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra trong tiến hành cải cách tư pháp, các quy định của

pháp luật của Liên ngành tư pháp Trung ương và của ngành kiểm sát về yêu cầu điều tra cũng như vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của yêu cầu điều tra trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Trên cơ sở đó, thống nhất nhận thức việc đề ra yêu cầu điều tra luôn là nhiệm vụ bắt buộc đối với bất kỳ vụ án nào.

- Tăng cường hơn nữa trách nhiệm của kiểm sát viên trong việc đề ra yêu cầu điều tra. Để có một bản yêu cầu điều tra có chất lượng, kiểm sát viên phải nghiên cứu nắm rõ những đặc điểm riêng của tội phạm, phải thường xuyên kiểm sát tiến độ điều tra, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chủ động tổng hợp, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và phải nhạy bén trong tư duy pháp lý trên cơ sở nhận thức đúng đắn, vận dụng đầy đủ, chính xác những quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và những văn bản pháp luật khác có liên quan để soi vào vụ án cụ thể mình đang làm. Trong trường hợp cần thiết, kiểm sát viên phải trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra như hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng, thực nghiệm điều tra...

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát các cấp ở tỉnh Thái Nguyên

3.2.1 Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật

Quy định mới này của BLTTHS đặt ra yêu cầu phải nâng cao số lượng và chất lượng các bản YCĐT. Như vậy, một vụ án hình sự có thể ra nhiều văn bản YCĐT. Thông thường các vụ án đơn giản, phạm tội quả tang, không có đồng phạm, diễn biến hành vi phạm tội rõ ràng, công tác điều tra thu thập chứng cứ thuận lợi... thì có thể ban hành một bản YCĐT. Nhưng đối với các vụ án phức tạp về chứng cứ tội danh, có nhiều bị can tham gia, hành vi phạm tội diễn ra trong thời gian dài, án xảy ra ban đêm, án không có nhân chứng hoặc ít nhân chứng, độ tin cậy của nhân chứng không cao... thì nhất thiết phải

ban hành nhiều bản YCĐT. Muốn vậy, KSV phải thực sự đồng hành với CQĐT, bám sát tiến độ và kết quả điều tra, nắm chắc tình trạng hồ sơ vụ án thì mới kịp thời ban hành nhiều bản YCĐT được.

Muốn nâng cao hiệu quả, hiệu lực của YCĐT thì phụ thuộc rất nhiều và chủ yếu vào chất lượng của văn bản này. Nếu ra bản YCĐT chậm tiến độ, chất lượng không bảo đảm thì không thể yêu cầu ĐTV thực hiện nghiêm túc được. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng công tố, uy tín của VKS nói chung và KSV nói riêng. Bản YCĐT có chất lượng là bản YCĐT ban hành kịp thời, đưa ra những nội dung cần điều tra một cách sát, đúng, cụ thể; phù hợp với kết quả điều tra, thu thập chứng cứ, nếu thực hiện nghiêm túc văn bản này thì cuộc điều tra được tiến hành khách quan, toàn diện, triệt để, phục vụ tốt cho công tác truy tố, xét xử, không phải trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung. Từ kinh nghiệm thực tiễn chúng tôi thấy có 5 trường hợp phải yêu cầu điều tra bổ sung, gồm: Hoàn thiện và bổ sung về thủ tục tố tụng; hoàn thiện và bổ sung chứng cứ, tài liệu; những nội dung mới cần điều tra, xác minh làm rõ; những yêu cầu Cơ quan điều tra phải kết luận, xác minh; yêu cầu về các biện pháp điều tra. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, yêu cầu điều tra để hoàn thiện và bổ sung về thủ tục tố tụng: Trường hợp chưa có thủ tục tố tụng hoặc có nhưng chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, cụ thể, không đúng với quy định của pháp luật. Những thiếu sót như: Chưa nêu rõ xuất xứ, quy trình thu giữ tài liệu, vật chứng; không mời người bào chữa theo quy định của pháp luật hoặc có mời nhưng không tạo điều kiện cho họ thực hiện nhiệm vụ; thiếu các lệnh trả tự do, biên bản thu giữ và trả vật chứng; thiếu đóng dấu bút lục hồ sơ vụ án; biên bản tài liệu viết sai ngày, tháng, năm hoặc mâu thuẫn về thời gian giữa các tài liệu; chưa giải thích quyền và nghĩa vụ của bị can, nhân chứng, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan... Trong trường hợp này, YCĐT phải nêu rõ thiếu hoặc chưa thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nào, ở trang tài liệu nào, phương pháp và

cách thức khắc phục ra sao. Yêu cầu đặt ra là lập biên bản mới; nếu sửa chữa thì phải chỉ rõ cụ thể. Nếu có sự mâu thuẫn về không gian, thời gian, địa điểm của các văn bản tố tụng thì nêu đích danh ở biên bản nào, lời khai nào để yêu cầu khắc phục.

Thứ hai, yêu cầu bổ sung, làm rõ và hoàn thiện về chứng cứ: Yêu cầu làm rõ các nội dung gồm: Chứng cứ để xử lý, kết luận; tài liệu có trong hồ sơ vụ án phản ánh chứng cứ không đủ cơ sở để kết luận; chứng cứ có nhiều mâu thuẫn, nguồn chứng cứ này “triệt tiêu” chứng cứ kia; đã có thông tin chứng cứ qua tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhưng chưa được điều tra, thu thập; các chứng cứ gỡ tội (nếu có) chưa được điều tra, thu thập.

Việc yêu cầu hoàn thiện và bổ sung về chứng cứ xảy ra ở nhiều loại tội, thường ở những vụ án phức tạp, đông người tham gia, xảy ra vào ban đêm, không có người làm chứng như các tội danh cố ý gây thương tích, giết người, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản... biểu hiện cụ thể là: Trong hồ sơ vụ án có 2 nhóm chứng cứ phản ánh không và có hành vi phạm tội của một đối tượng; bị can khai bị đánh ở vị trí này nhưng giám định trên cơ thể thì thương tích nằm ở vị trí khác; lời khai, biên bản hỏi cung phản ánh vật chứng khác nhau; bị can, bị hại, người làm chứng khai có sự khác biệt về hành vi, địa điểm, thời gian gây án. Trong trường hợp này, KSV phải nghiên cứu hồ sơ vụ án, đánh giá chứng cứ, tài liệu để YCĐT làm rõ các nội dung, nếu bổ sung chứng cứ thì phải nêu rõ đó là vật chứng hay phải hỏi cung, lấy lời khai; vật chứng đó là gì, lấy lời khai của ai; nếu có xung đột chứng cứ thì điều tra làm rõ vì sao có sự xung đột; nếu hỏi cung, lấy lời khai chưa rõ, chưa hỏi cụ thể xoáy sâu vào trọng tâm thì yêu cầu ĐTV hỏi nội dung gì, khai thác ở điểm gì?.

Thứ ba, những nội dung mới cần điều tra, xác minh làm rõ: Đó là nội dung mà KSV phát hiện qua nắm, xử lý tin báo tội phạm, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhưng chưa được điều tra làm rõ như phát hiện đối tượng phạm tội,

người làm chứng, vật chứng mới, hành vi phạm tội chưa được khởi tố, điều tra... Trong trường hợp này, tại bản YCĐT, Kiểm sát viên phải nêu hoặc trích dẫn chứng cứ mới hoặc phát hiện điểm mới này thu thập từ đâu, nội dung như thế nào, những vấn đề gì cần điều tra, kết luận...

Thứ tư, những yêu cầu CQĐT phải kết luận: Điều 233 BLTTHS năm 2015 quy định “Kết luận điều tra trong trường hợp đề nghị truy tố”. So với BLTTHS năm 2003 thì có sự thay đổi lớn. Khi ban hành kết luận điều tra thì yêu cầu phải kết luận các điểm mới sau: Động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; nguyên nhân và điều kiện phạm tội; lý do và căn cứ đề nghị truy tố tội danh, điều, khoản, điểm của BLHS được áp dụng. Kiểm sát viên phải hết sức chú ý nội dung này. Hiện nay, bản kết luận điều tra vụ án chỉ nêu diễn biến hành vi phạm tội, đối tượng phạm tội, hậu quả vật chất, đề nghị truy tố mà không nêu các nội dung trên. Mặt khác, có một số nội dung tuy BLTTHS không nêu CQĐT phải kết luận, nhưng bản thân sự vật đó phải có kết luận như: Tại sao sử dụng chứng cứ này nhưng lại không sử dụng chứng cứ kia; sử dụng lời khai, căn cứ này nhưng lại không sử dụng lời khai kia; tại sao vật chứng là công cụ A, không phải là B; đối tượng phạm tội là một người, không phải nhiều người; căn cứ vào đâu để khẳng định hoặc bác bỏ vụ án có tổ chức hoặc không có tổ chức, có hành vi này nhưng không có hành vi kia; tội danh này, mà không phải là tội danh khác...

Thứ năm, yêu cầu truy nã bị can và áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Đây là điểm mới hoàn toàn so với BLTTHS hiện hành, được quy định một nhiệm vụ cụ thể của nội dung yêu cầu điều tra. Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được quy định tại Điều 223 đến Điều 228 BLTTHS năm 2015. Trong đó chú ý: Viện kiểm sát yêu cầu áp dụng biện pháp này khi đủ điều kiện và phải phê chuẩn trước khi thực hiện; thời gian thực hiện không được

quá hai tháng, trường hợp phức tạp thì gia hạn thêm nhưng không quá thời hạn điều tra; phê chuẩn việc hủy bỏ biện pháp này...

Ngoài ra còn có thể khẳng định quy định của BLTTHS tương đối đầy đủ, giúp hoạt động yêu cầu ĐT thực hiện hoạt động ĐT của các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Bên cạnh đó, một số quy định của BLTTHS về yêu cầu ĐT, thực hiện hoạt động ĐT còn một số vướng mắc gây cản trở đến quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng. Cụ thể là:

- Căn cứ trả hồ sơ để ĐT "*thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án*", "*vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng*" chưa cụ thể dẫn đến giữa các cơ quan tố tụng không thống nhất về lý do trả;

- Những vi phạm thủ tục không nghiêm trọng hoặc những sai sót về thủ tục hành chính tư pháp như ghi sai tên tuổi, địa chỉ bị can, bị cáo... thì không cần thiết trả hồ sơ mà trao đổi để khắc phục;

- Trong trường hợp TA trả hồ sơ mà VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì BLTTHS chưa quy định rõ bằng hình thức công văn hay quyết định chuyển lại hồ sơ cho TA để đưa vụ án ra xét xử [40];

- Thiếu quy định cụ thể các trường hợp và cách thức TA tự minh xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ;

- Vẫn còn tình trạng trả hồ sơ quá nhiều lần làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài không cần thiết;

- Chưa phân định rõ trường hợp TA trả hồ sơ để ĐTBС với trường hợp TA yêu cầu VKS bổ sung chứng cứ, tài liệu mà thấy không thuộc trường hợp phải trả hồ sơ yêu cầu VKS điều tra bổ sung... Vì vậy, yêu cầu điều tra là bước quan trọng của thực hành quyền công tố. Đồng thời đề ra một số giải pháp nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để ĐTBС. Qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết án hình sự, tránh làm oan người vô tội và bỏ

lọt tội phạm, hạn chế thấp nhất việc trả hồ sơ để ĐT, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Cùng với yêu cầu về nội dung, bản YCĐT cũng phải quan tâm đến hình thức và phương pháp thể hiện. Chúng tôi thấy bản YCĐT phải viết rõ ràng, mạch lạc, cụ thể, dễ hiểu. Yêu cầu điều tra về nội dung gì, đối tượng nào, bổ sung những vấn đề gì phải ghi rõ, tránh nêu chung chung, không sát với hồ sơ và tiến độ điều tra; không được cắt nhỏ và xé lẻ nội dung thành nhiều mục hoặc nhiều câu hỏi rườm rà. Khi cần thiết thì viện dẫn luật, viện dẫn căn cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ chứng minh tồn tại, vi phạm cần điều tra bổ sung khắc phục; tránh dùng từ kiểu “chỉ đạo”, quá mức hoặc sa vào đánh giá tình hình...

3.2.2 Nhóm giải pháp đối với ngành kiểm sát tỉnh Thái Nguyên

- Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, kiểm sát viên về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và tầm quan trọng của việc đề ra yêu cầu điều tra trong quá trình kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, là chỉ tiêu thi đua trong ngành, nhằm chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Xác định rõ việc đề ra yêu cầu điều tra là nguyên tắc trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên, mọi cán bộ, Kiểm sát viên phải nghiêm chỉnh chấp hành.

- Khi đề ra “Yêu cầu điều tra” phải đảm bảo nội dung yêu cầu phù hợp với đặc điểm của từng loại tội phạm, từng vụ án cụ thể, ngoài việc yêu cầu thu thập các chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội còn phải yêu cầu làm rõ được những nội dung cơ bản như: Đối với nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu phải xác định được động cơ, mục đích phạm tội, giá trị tài sản bị chiếm đoạt...; nhóm tội xâm phạm tính mạng sức khỏe phải xác định được mức độ tổn hại sức khỏe, công cụ, phương tiện dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cơ chế hình thành dấu vết, thương tích...; hoặc trong trường hợp có nhiều bị can, bị can phạm nhiều tội phải xác định được vị trí vai trò của từng bị can,

mức độ tham gia thực hiện tội phạm và hành vi phạm tội của bị can đối với từng tội phạm cụ thể, sự tham gia của các bị can khác... Bên cạnh đó KSV phải bám sát quá trình điều tra, nắm chắc tiến độ điều tra, chủ động yêu cầu CQĐT cung cấp tài liệu để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, không thụ động chờ Điều tra viên chuyển tài liệu sang VKS. Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật thì KSV phải yêu cầu CQĐT tiến hành hoạt động điều tra theo đúng quy định của pháp luật, kiểm tra và thông báo kết quả cho VKS, cung cấp các tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra.

- Lãnh đạo Phòng 1, Phòng 2 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và lãnh đạo Viện kiểm sát cấp huyện cần tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra hồ sơ, sổ sách và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra để kịp thời phát hiện những thiếu sót, tồn tại của cán bộ, Kiểm sát viên, đảm bảo 100% các vụ án hình sự sau khi khởi tố trong thời hạn 7 ngày phải đề ra được yêu cầu điều tra. Bản yêu cầu điều tra phải vào sổ đăng ký theo quy định, đảm bảo nội dung yêu cầu điều tra có chất lượng và kịp thời và phải có biên bản hoặc tài liệu xác nhận đã bàn giao cho Điều tra viên để thực hiện, ghi rõ thời gian giao nhận giữa Kiểm sát viên và Điều tra viên. Đối với những vụ án phức tạp, dư luận quan tâm, những vụ án thuộc diện cấp ủy theo dõi chỉ đạo, Lãnh đạo phòng nghiệp vụ và Lãnh đạo VKSND cấp huyện phải duyệt bản dự thảo yêu cầu điều tra trước khi ban hành và phải kiểm tra tiến độ thực hiện đột xuất hoặc định kỳ.

- Thực hiện phân công Lãnh đạo, Kiểm sát viên có năng lực, sở trường công tác theo nhóm tội phạm hoặc tính chất của vụ án, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ở cả hai cấp kiểm sát, khi kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, xét phê chuẩn lệnh, quyết định tố tụng của CQĐT, nếu thấy chưa đủ căn cứ, phải yêu cầu CQĐT tiến hành bổ sung chứng cứ hoặc tự mình xác

minh, nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu chứng cứ nhằm phục vụ cho việc phê chuẩn có căn cứ, đúng pháp luật coi đây là yêu cầu nghiệp vụ bắt buộc đối với KSV.

- Thực hiện nghiêm việc mở và ghi chép sổ thụ lý yêu cầu điều tra. Cần thống nhất quan điểm đánh giá quá trình kiểm tra phát hiện Bản yêu cầu điều tra nào không có sổ, không vào sổ thì coi như vụ án đó không ban hành bản yêu cầu điều tra. Đồng thời tất cả hồ sơ kiểm sát phải lưu giữ căn cứ xác định bản yêu cầu điều tra đã được chuyển giao cho Điều tra viên.

- Các phòng 1, 2 Viện kiểm sát tỉnh phải thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong việc đề ra bản yêu cầu điều tra của VKSND cấp huyện cả về tiến độ, chất lượng và việc thực hiện yêu cầu điều tra của Điều tra viên. Kết quả kiểm tra phải báo cáo Lãnh đạo VKSND tỉnh và thông báo rút kinh nghiệm chung, là cơ sở đánh giá cán bộ công chức và xét thi đua đối với tập thể, cá nhân hàng năm.

- Viện kiểm sát cấp huyện phải đưa nội dung ban hành bản yêu cầu điều tra vào Quy chế lề lối làm việc hoặc nhiệm vụ kế hoạch công tác hàng năm, chỉ tiêu thi đua của đơn vị mình, đảm bảo có kiểm tra, có đánh giá theo tiến độ điều tra đối với từng vụ án hình sự.[30] (*Riêng VKSND tỉnh đã quy định trong văn bản số 263/VP ngày 06/3/2016*)

Nội dung chuyên đề trên đây được xây dựng trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện việc đề ra yêu cầu điều tra của Phòng 1, 2 VKSND tỉnh, VKSND cấp huyện và kết quả rà soát tại các đơn vị. Quá trình xây dựng không tránh khỏi những thiếu sót, cần được bổ sung. Đề nghị các đơn vị tham gia đóng góp, trên cơ sở đó sẽ cùng thống nhất thực hiện trong thời gian tới để đảm bảo nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc đề ra yêu cầu điều tra trong quá trình kiểm sát điều tra các vụ án hình sự được thực hiện nghiêm chỉnh, góp phần hạn chế oan sai, bỏ lọt tội phạm và đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án hình sự, hạn chế tình trạng trả hồ sơ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc

bị hủy án để điều tra lại; đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu công tác năm 2016 và những năm tiếp theo của ngành kiểm sát tỉnh Thái Nguyên.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở những phân tích đánh giá một cách khách quan, toàn diện những hạn chế, tồn tại của hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra nói chung và thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của VKSND ở giai đoạn yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên trong những năm gần đây, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới đặt ra yêu cầu khách quan phải đảm bảo hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật trong tình hình mới đặt ra yêu cầu khách quan phải đảm bảo hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra đối với các vụ án hình sự. Trên cơ sở nhận thức chung về các yếu tố đảm bảo việc áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân và phân tích về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực hoạt động này, tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng yêu cầu điều tra nhằm đạt hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Đó bao gồm các nhóm giải pháp sau: 1. nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật; 2. Nhóm giải pháp đối với ngành kiểm sát. Trong đó đặc biệt chú trọng đến việc kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức của cán bộ, kiểm sát viên ngành Kiểm sát nhân dân, tăng cường chỉ đạo công tác quản lý chỉ đạo điều hành và kiểm tra trong ngành kiểm sát. 3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ phối hợp liên ngành trong việc giải quyết vụ án hình sự và hoàn thiện cơ chế giám sát của cơ quan dân cử và của nhân dân đối với hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân.

KẾT LUẬN

Công cuộc cải cách tư pháp trong những năm gần đây được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về *“Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*, trong đó đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo và các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp. Tiếp đó, ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về *“Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, trong đó xác định mục tiêu xuyên suốt là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa... Nhằm tạo sự chuyển biến mang tính đột phá trong cuộc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI một lần nữa khẳng định chủ trương: *“Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người... Viện kiểm sát được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức Tòa án, bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”*.

Tại Điều 13 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định: *“Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát nhân dân có những nhiệm vụ và quyền hạn... Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra”* và tại Điều 36, 37, 112

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có nhiệm vụ và quyền hạn “...*Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra ...*”. Cũng tại Điều 8, Điều 19 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự (*Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao*) quy định: “*Khi được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự Kiểm sát viên có nhiệm vụ, quyền hạn: ...Đề ra yêu cầu điều tra. Khi đề ra yêu cầu điều tra, Kiểm sát viên phải có văn bản yêu cầu điều tra, nêu rõ những vấn đề cần điều tra để thu thập, củng cố chứng cứ ; hoàn thiện các thủ tục tố tụng hoặc để làm rõ những tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng Hình sự*”.

Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo luật định, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 06/CT – VKSTC, ngày 06/12/2013 về “*Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*”, Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 25 tháng 12 năm 2015 về công tác của ngành kiểm sát năm 2016. Căn cứ Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, VKSND tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng Nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2016 nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp và đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự có căn cứ và đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Báo cáo sơ kết công tác kiểm sát điều tra án hình sự năm 2016 của VKSND tỉnh Thái Nguyên.
- 2 Báo cáo sơ kết thanh tra ngành kiểm sát của VKSND tỉnh Thái Nguyên năm 2016.
- 3 Báo cáo sơ kết công tác kiểm sát điều tra án hình sự năm 2015 của VKSND tỉnh Thái Nguyên.
- 4 Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 của Tòa án nhân dân Tối Cao giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ.
- 5 Bùi Mạnh Cường – Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao – Một số giải pháp nâng cao chất lượng của bản yêu cầu điều tra.
- 6 Đại học Luật Hà Nội (2006) , *giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- 7 Hoàng Văn Hào (1999), “*Xã hội hóa một số hoạt động của Cơ quan tư pháp nhìn từ góc độ dân chủ*” Dân chủ và pháp luật.
- 8 Nguyễn Hữu Hậu (2009). “về thẩm quyền của Viện kiểm sát và của kiểm sát viên trong việc đề ra các yêu cầu điều tra và điều tra bổ sung”, Tạp chí kiểm sát.
- 9 Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam, Luận Văn tiến sỹ luật học*, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
- 10 Vũ Việt Hùng – Những vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm công tố trong việc đề ra Yêu cầu điều tra theo Cải cách tư pháp.
- 11 Vũ Việt Hùng (2012). “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra theo cải cách tư pháp”, Tạp chí kiểm sát.
- 12 Ngô Thị Xuân Huyền (2014). “Cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về yêu cầu điều tra của Viện Kiểm sát”, Tạp chí kiểm sát .

- 13 Kết luận của Thanh tra toàn tỉnh về việc ra yêu cầu điều tra đối với các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2015.
- 14 Kết luận của Thanh tra toàn tỉnh về việc ra yêu cầu điều tra đối với các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2014.
- 15 Nguyễn Đức Mai (1999), Một số ý kiến về quyền công tố, Kỷ yếu đề tài cấp khoa học cấp Bộ: “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt nam từ năm 1945 đến nay”, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao.
- 16 Khuất Văn Nga (2004) “Những tư tưởng mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003” Thông tin khoa học pháp lý.
- 17 Nghị quyết 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng TPTANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ 3 Xét xử sơ thẩm của BLTTHS.
- 18 Trần Đình Nhã – *Về đổi mới tổ chức Cơ quan điều tra, kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ, những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của Tố tụng hình sự Việt Nam – VKSND Tối Cao.*
- 19 Nguyễn Nông (2007) “Bàn về quyền đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự” tạp chí Kiểm sát
- 20 Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2013), Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 21 Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), Bộ luật Tố tụng hình sự, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 22 Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật Tố tụng hình sự, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 23 Phòng THQCT – KSĐTXX án hình sự, VKSND tỉnh Thái Nguyên (2012) Báo cáo công tác kiểm sát năm 2012.
- 24 Phòng THQCT – KSĐTXX án hình sự, VKSND tỉnh Thái Nguyên (2013) Báo cáo công tác kiểm sát năm 2013.

- 25 Phòng THQCT – KSĐTXX án hình sự, VKSND tỉnh Thái Nguyên (2014) Báo cáo công tác kiểm sát năm 2014.
- 26 Phòng THQCT – KSĐTXX án hình sự, VKSND tỉnh Thái Nguyên (2015) Báo cáo công tác kiểm sát năm 2015.
- 27 Phòng THQCT – KSĐTXX án hình sự, VKSND tỉnh Thái Nguyên (2016) Báo cáo công tác kiểm sát năm 2016
- 28 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003) BLTTHS, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 29 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (2009), Bộ luật hình sự 1999(sửa đổi năm 2009), Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 30 Quy chế số 07 ngày 02/01/2008 của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao ban hành quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự.
- 31 Trần Đình Sơn (2014). “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đề ra yêu cầu điều tra của kiểm sát viên” , Tạp chí kiểm sát.
- 32 Nguyễn Tiến Sơn (2009). “Thẩm quyền, trách nhiệm của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong việc đề ra yêu cầu điều tra và trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung các vụ án hình sự”, Tạp chí kiểm sát.
- 33 Lê Minh Tâm (2002) “về tư tưởng Nhà nước pháp quyền và khái niệm nhà nước pháp quyền” Tạp chí Luật học.
- 34 Lê Hữu Thế (2008), Quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- 35 Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT –VKSNDTC – BCA – BQP ngày 07/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao – Bộ công an- Bộ Quốc phòng.
- 36 Trang thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên.
- 37 Trường Đại học luật Hà Nội (2003), giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 38 Từ điển tiếng việt, Nxb Từ điển bách khoa Việt Nam.

- 39 Từ điển luật học, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- 40 Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao (2000), Quy chế kiểm sát điều tra vụ án hình sự, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- 41 Viện nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ tư pháp (2001), Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng Việt Nam, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 42 Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao (2005), Sổ tay kiểm sát viên, Hà Nội.